

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Bản Việt

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT**

Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH115 được Quốc hội thông qua ngày 18/01/2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2024. Để tuân thủ quy định pháp luật, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Bản Việt, cụ thể như sau:

1. Nội dung sửa đổi, bổ sung:

- Về hình thức và bố cục Điều lệ vẫn giữ nguyên như Điều lệ hiện hành gồm: Chương, Mục, Điều, Khoản, Điểm;
- Về nội dung sửa đổi, bổ sung một số Điều, khoản theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và một số quy định pháp luật hiện hành.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

2. Nội dung trình Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ BVBank và ban hành bản Điều lệ hợp nhất thay thế Điều lệ hiện hành để áp dụng thống nhất;
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoàn thiện nội dung dự thảo Điều lệ BVBank và thông báo đến các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

Trân trọng kính trình Đại hội./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



LÊ ANH TÀI

PHỤ LỤC CHI TIẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT

(Đính kèm Tờ trình số 56/24/BVBank/TT-HĐQT ngày 28/03/2024)

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
1.	Sửa đổi, bổ sung Phần mở đầu.	Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần, hoạt động theo Giấy phép số 0025/NH- GP ngày 22/8/1992 và Quyết định <u>chấp thuận việc sửa đổi Giấy phép số 2665/QĐ-NHNN ngày 13/12/2011</u> của Ngân hàng Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng được thực hiện theo Điều lệ này và quy định pháp luật hiện hành có liên quan. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 08 tháng 04 năm 2022, <u>được sửa đổi, bổ sung một số nội dung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 04 năm 2023, Nghị quyết của Hội đồng quản trị ngày 26 tháng 07 năm 2023 và ngày 27 tháng 12 năm 2023.</u>	Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần, hoạt động theo Giấy phép số 0025/NH- GP ngày 22/8/1992 và <i>các Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của Ngân hàng Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng được thực hiện theo Điều lệ này và quy định pháp luật hiện hành có liên quan.</i> Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 19 tháng 04 năm 2024.	Điều chỉnh cho phù hợp với thực tế tại Ngân hàng.
2.	Sửa đổi, bổ sung điểm (b) khoản 1.1 Điều 1	“Luật Các tổ chức tín dụng” có nghĩa là Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/6/2010, sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;	“Luật Các tổ chức tín dụng” có nghĩa là Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024;	Cập nhật Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.
3.	Sửa đổi, bổ sung điểm (e) khoản 1.1 Điều 1	“Vốn điều lệ” là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được ghi tại Điều lệ này.	“Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần của Ngân hàng đã bán cho cổ đông.	Sửa đổi cho phù hợp với khoản 42 Điều 4 Luật các TCTD.
4.	Sửa đổi, bổ sung điểm (g) khoản 1.1 Điều 1	“Vốn pháp định” là vốn tối thiểu theo yêu cầu của pháp luật để thành lập Ngân hàng	“Vốn pháp định” là mức vốn tối thiểu <i>phải có theo quy định</i> của pháp luật để thành lập Ngân hàng.	Sửa đổi cho phù hợp với khoản 44 Điều 4 Luật các TCTD.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/cần cứ pháp lý
5.	Sửa đổi, bổ sung điểm (i) khoản 1.1 Điều 1	“Người quản lý của Ngân hàng” là Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác (nếu có).	“Người quản lý của Ngân hàng” là Chủ tịch, thành viên <i>khác</i> của Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác (nếu có).	Sửa đổi cho phù hợp với khoản 26 Điều 4 Luật các TCTD.
6.	Sửa đổi, bổ sung điểm (j) khoản 1.1 Điều 1	“Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây: (i) Công ty mẹ với Công ty con và ngược lại; Ngân hàng với Công ty con của Ngân hàng và ngược lại; các Công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một Ngân hàng với nhau; Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của Ngân hàng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với Công ty con và ngược lại; (ii) Công ty hoặc Ngân hàng với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc Ngân hàng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại; (iii) Công ty hoặc Ngân hàng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng đó và ngược lại; (iv) Cá nhân với vợ, chồng, <u>cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này</u> ; (v) Công ty hoặc Ngân hàng với cá nhân theo quy định tại điểm (iv) của khoản này của Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên của công ty hoặc	“Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây: (i) Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; <i>công ty mẹ với công ty con của công ty con và ngược lại</i> ; Ngân hàng với công ty con của Ngân hàng và ngược lại; <i>Ngân hàng với công ty con của công ty con của Ngân hàng và ngược lại</i> ; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một Ngân hàng với nhau; các công ty con của công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một Ngân hàng với nhau; người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của Ngân hàng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại; (ii) Công ty hoặc Ngân hàng với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc Ngân hàng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại; (iii) Công ty hoặc Ngân hàng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên <u>tại công ty hoặc Ngân hàng đó</u> và ngược lại; (iv) Cá nhân với vợ, chồng; <i>cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em</i>	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Khoản 24 Điều 4 Luật các TCTD.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p>(vi) Ngân hàng đó và ngược lại; Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm (i), (ii), (iii), (iv) và (v) khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau.</p> <p>(vii) Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của Ngân hàng được xác định theo quy định nội bộ của Ngân hàng hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát đối với từng trường hợp cụ thể.</p>	<p><i>cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha (sau đây gọi là vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em); ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột;</i></p> <p>(v) Công ty hoặc Ngân hàng với cá nhân có mối quan hệ theo quy định tại điểm (iv) khoản này với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 05% vốn điều lệ <i>hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết</i> trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;</p> <p>(vi) Cá nhân được ủy quyền đại diện <i>phần vốn góp</i> cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm (i), (ii), (iii), (iv) và (v) khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau;</p> <p>(vii) Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của Ngân hàng được xác định theo quy định nội bộ của Ngân hàng hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát;</p>	
7.	Sửa đổi điểm (n) khoản 1.1 Điều 1	“Cổ đông lớn” của Ngân hàng là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% (năm phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng	“Cổ đông lớn” là cổ đông của Ngân hàng sở hữu từ 05% (năm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng, <i>bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.</i>	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Khoản 8 Điều 4 Luật các TCTD.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
8.	Sửa đổi điểm (r) khoản 1.1 Điều 1	<p>“Công ty con của Ngân hàng” là công ty mà trong đó:</p> <p>(i) Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết;</p> <p>(ii) Ngân hàng có quyền <u>trực tiếp hoặc gián tiếp</u> bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của Công ty con;</p> <p>(iii) Ngân hàng có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của Công ty con;</p> <p>(iv) Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của Công ty con.</p>	<p>“Công ty con của Ngân hàng” là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>(i) Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 50% (năm mươi phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết <i>của công ty đó</i>;</p> <p>(ii) Ngân hàng có quyền bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty đó;</p> <p>(iii) Ngân hàng có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó;</p> <p>(iv) Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty <u>đó</u>.</p>	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Khoản 9 Điều 4 Luật các TCTD.
9.	Sửa đổi điểm (v) khoản 1.1 Điều 1	<p>“Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng” là người được Ngân hàng ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại các Công ty con, Công ty liên kết theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật.</p>	<p>“Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng” là người được Ngân hàng ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền <i>và nghĩa vụ của Ngân hàng</i> theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật.</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Doanh nghiệp.
10.	Xóa bỏ điểm (y), khoản 1.1 Điều 1.	<p><u>Vốn có quyền biểu quyết” là cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	Không quy định	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật các TCTD.
11.	Bổ sung điểm (z) khoản 1.1 Điều 1	Không quy định	<p>“Công ty kiểm soát” là công ty sở hữu trực tiếp, gián tiếp trên 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng hoặc là công ty nắm quyền kiểm soát của Ngân hàng hoặc là Ngân hàng có công ty con, công ty liên kết.</p>	Bổ sung cho phù hợp với Khoản 10 Điều 4 Luật các TCTD.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
12.	Sửa đổi, bổ sung khoản 2.3 Điều 2	2.3. Trụ sở đăng ký của Ngân hàng là: Địa chỉ : Số 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh Điện thoại : (08) 62 679 679 Fax : (08) 62 638 668 Website : www.vietcapitalbank.com.vn	2.3. Trụ sở đăng ký của Ngân hàng là: Địa chỉ : Số 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh Điện thoại : (028) 62 679 679 Fax : (028) 62 638 668 Website : <u>www.bvbank.net.vn</u>	Điều chỉnh cho phù hợp tên miền mới của Trang thông tin điện tử (website) của Ngân hàng.
13.	Sửa đổi, bổ sung khoản 2.5 Điều 2	2.5 Ngân hàng được mở Chi nhánh, Văn phòng đại diện, được thành lập đơn vị sự nghiệp, Công ty con, Công ty liên kết theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.	2.5 Ngân hàng được mở Chi nhánh, <i>Phòng Giao dịch</i> , Văn phòng đại diện, được thành lập đơn vị sự nghiệp, Công ty con, Công ty liên kết theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.	
14.	Sửa đổi, bổ sung khoản 5.2 Điều 5	5.2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, <u>kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài.</u>	5.2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.	Điều chỉnh cho phù hợp khoản 2 Điều 107 Luật các TCTD.
15.	Sửa đổi, bổ sung khoản 5.3 Điều 5	5.3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: (a) Cho vay; (b) Chiết khấu, tái chiết khấu <u>công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;</u> (c) Bảo lãnh ngân hàng; (d) Phát hành thẻ tín dụng; (e) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế; (f) Các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.	5.3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: (a) Cho vay; (b) Chiết khấu, tái chiết khấu; (c) Bảo lãnh ngân hàng; (d) Phát hành thẻ tín dụng; (e) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế; (f) <i>Thư tín dụng</i> (g) Các hình thức cấp tín dụng khác <i>theo quy định của Thống đốc</i> Ngân hàng Nhà nước.	Điều chỉnh cho phù hợp khoản 3 Điều 107 Luật các TCTD.
16.	Sửa đổi, bổ sung khoản 5.6 Điều 5	5.6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán sau đây: (a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ; (b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế; và các dịch vụ thanh toán khác sau khi được Ngân	5.6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán <i>qua tài khoản</i> sau đây: (a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, <i>chuyển tiền</i> , thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ; (b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế <i>sau khi được</i>	Điều chỉnh cho phù hợp khoản 6 Điều 107 Luật các TCTD.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		hàng Nhà nước chấp thuận.	<i>Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản; và các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.</i>	
17.	Sửa đổi, bổ sung khoản 5.7 Điều 5	5.7. Mở tài khoản <u>tiền gửi</u> thanh toán tại tổ chức tín dụng khác; mở tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.	5.7. <i>Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản; mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.</i>	Điều chỉnh cho phù hợp Điều 109 Luật các TCTD.
18.	Sửa đổi, bổ sung khoản 5.8 và 5.9 Điều 5	5.8 Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 5.9 Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.	5.8 Vay của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 5.9 <i>Mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</i> 5.10 <i>Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.</i> 5.11 <i>Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.</i> 5.12. Tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia. Tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế <i>khi đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản</i>	Điều chỉnh cho phù hợp Điều 108, Điều 110 Luật các TCTD.
19.	Sửa đổi, bổ sung Điều 6.2	6.2 Ngân hàng phải thành lập hoặc mua lại Công ty con, Công ty liên kết để thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây: (a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu; (b) Cho thuê tài chính; (c) Bảo hiểm.	6.2. Ngân hàng phải thành lập, mua lại Công ty con, Công ty liên kết <i>khi</i> thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây: (a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu; (b) Cho thuê tài chính; (c) Bảo hiểm.	Điều chỉnh cho phù hợp với khoản 2 Điều 11 Luật các TCTD.
20.	Sửa đổi, bổ sung	6.4. Ngân hàng được được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:	6.4. Ngân hàng được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây: (a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, kinh doanh	Điều chỉnh cho phù hợp điểm b khoản 4 Điều 111 Luật các TCTD.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
	khoản 6.4 Điều 6	(a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng; (b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này.	ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng; (b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này <i>sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.</i>	
21.	Sửa đổi, bổ sung khoản 6.5 Điều 6	6.5. Việc thành lập, mua lại Công ty con, Công ty liên kết theo quy định tại Điều 6.2 và 6.3 của Điều lệ này và việc góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng theo quy định tại Điều 6.4(b) của Điều lệ này được thực hiện khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước. Việc thành lập Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng thực hiện theo các điều kiện, thủ tục và trình tự theo quy định của pháp luật có liên quan.	<i>6.5. Ngân hàng thành lập, mua lại Công ty con, Công ty liên kết theo quy định tại Điều 6.2 và Điều 6.3 Điều lệ này sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.</i> <i>Ngân hàng thành lập Công ty con, Công ty liên kết theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan.</i>	Điều chỉnh cho phù hợp khoản 5, khoản 7 Điều 111 Luật các TCTD.
22.	Sửa đổi, bổ sung khoản 6.6 Điều 6	6.6 Ngân hàng, Công ty con của Ngân hàng được mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Ngân hàng Nhà nước.	<i>6.6 Ngân hàng, Công ty con của Ngân hàng được mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.</i>	Điều chỉnh cho phù hợp với khoản 8 Điều 111, Luật các TCTD.
23.	Xóa bỏ khoản 7.1 Điều 7	7.1. Tham gia thị trường tiền tệ: Ngân hàng được tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc, mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.	Không quy định	Luật các TCTD không còn quy định này.
24.	Sửa đổi, bổ sung khoản 7.2 thành	7.2. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và các sản phẩm phái sinh: (a) Sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản, Ngân hàng được kinh doanh, cung ứng dịch vụ cho khách hàng ở trong	7.1. Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh của Ngân hàng: (a) Ngân hàng được kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm sau đây sau khi được Ngân hàng Nhà nước	Điều chỉnh cho phù hợp Điều 112 Luật các TCTD.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
	khoản 7.1 Điều 7	nước và nước ngoài các sản phẩm sau đây: (i) Ngoại hối; (ii) Phái sinh về <u>tỷ giá</u> , lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác; (iii) Sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa. (b) Việc cung ứng dịch vụ ngoại hối của Ngân hàng cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.	chấp thuận bằng văn bản: (i) Ngoại hối; (ii) Phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác. (b) Việc kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối của Ngân hàng cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.	
25.	Sửa đổi, bổ sung khoản 7.3 thành khoản 7.2 Điều 7	7.3. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý: Ngân hàng được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.	7.2. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, <i>giao đại lý</i> của Ngân hàng (a) Ngân hàng được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, <i>giao đại lý thanh toán</i> theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. (b) Ngân hàng được thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.	Điều chỉnh cho phù hợp Điều 113 Luật các TCTD.
26.	Sửa đổi, bổ sung Điều 8	Điều 8. Các hoạt động kinh doanh khác 8.1 Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn. 8.2 Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư. 8.3 Mua, bán trái phiếu Chính phủ, đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp. 8.4 Dịch vụ môi giới tiền tệ. 8.5 Lưu ký chứng khoán, kinh doanh vàng, cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán, ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh	Điều 8. Các hoạt động kinh doanh khác 8.1 Ngân hàng được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước: (a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; <i>dịch vụ ngân quỹ</i> cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; (b) <i>Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản</i> ; (c) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán giấy tờ có giá khác, trừ mua, bán giấy tờ có giá quy định tại Điều 8.2 (a) Điều lệ này; (d) Dịch vụ môi giới tiền tệ; (e) Kinh doanh vàng; (f) <i>Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng</i> ;	Điều chỉnh cho phù hợp Điều 114 Luật các TCTD.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p>doanh bảo hiểm, quản lý tài sản sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.</p> <p>8.6 Các hoạt động khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước pháp luật.</p>	<p>(g) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép.</p> <p>8.2 Ngân hàng được thực hiện các hoạt động đại lý bảo hiểm kinh doanh khác sau đây theo quy định của pháp luật về kinh doanh có liên quan:</p> <p>(a) Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;</p> <p>(b) Phát hành trái phiếu;</p> <p>(c) Lưu ký chứng khoán;</p> <p>(d) Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;</p> <p>(e) Đại lý quản lý tài sản bảo hiểm đảm bảo cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>8.3 Ngân hàng được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng ngoài các hoạt động quy định tại Điều 8.1 và Điều 8.2 Điều lệ này theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, quy định khác của pháp luật có liên quan</p>	
27.	Sửa đổi, bổ sung khoản 9.2, khoản 9.3 Điều 9	<p>9.2. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh <u>chưa sử dụng hết</u>, thuộc sở hữu của Ngân hàng</p> <p>9.3. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay. Trong thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, Ngân hàng phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này để bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định theo quy định pháp luật</p>	<p>9.2. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh thuộc sở hữu của Ngân hàng <u>chưa sử dụng hết</u>.</p> <p>9.3. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ. Trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, Ngân hàng phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này. Trường hợp mua lại bất động sản phải bảo đảm mục đích sử dụng quy định tại khoản 1 Điều này và tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định quy định tại Điều 82.3 Điều lệ này.</p>	Điều chỉnh cho phù hợp khoản 3 Điều 139 Luật các TCTD.
28.	Sửa đổi, bổ sung Điều 10	Điều 10. Hoạt động của Ngân hàng điện tử 10.1 Ngân hàng được thực hiện <u>các hoạt động kinh doanh qua việc sử dụng các phương tiện điện tử</u> theo hướng dẫn của Ngân hàng	Điều 10. Giao dịch điện tử trong hoạt động của Ngân hàng <i>Hoạt động của Ngân hàng được thực hiện bằng phương tiện điện tử phải bảo đảm an toàn và bảo</i>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 105, Điều 140 Luật các TCTD.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p><u>Nhà nước về quản lý rủi ro và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</u></p> <p>10.2 <u>Ngân hàng phải bảo đảm an toàn và bảo mật trong hoạt động ngân hàng điện tử theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.</u></p>	<p><i>mật giao dịch điện tử theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</i></p>	
29.	Sửa đổi, bổ sung Điều 11	<p>Điều 11. Tỷ lệ đảm bảo an toàn</p> <p>11.1 Ngân hàng phải đảm bảo các tỷ lệ đảm bảo an toàn sau theo quy định của pháp luật vào từng thời điểm:</p> <p>(a) Tỷ lệ khả năng chi trả;</p> <p>(b) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu;</p> <p>(c) <u>Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn;</u></p> <p>(d) Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có;</p> <p>(e) <u>Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi;</u></p> <p>(f) Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.</p> <p>11.2 Ngân hàng tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia phải nắm giữ số lượng tối thiểu giấy tờ có giá được phép cầm cố theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.</p> <p>11.3 Tổng số vốn của Ngân hàng đầu tư vào tổ chức tín dụng khác, Công ty con của Ngân hàng dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần và các khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần nhằm nắm quyền kiểm soát các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán phải trừ khỏi vốn tự có khi tính các tỷ lệ an toàn.</p>	<p>Điều 11. Tỷ lệ bảo đảm an toàn</p> <p>11.1. Ngân hàng phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây:</p> <p>(a) Tỷ lệ khả năng chi trả;</p> <p>(b) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu <i>08% (tám phần trăm) hoặc tỷ lệ cao hơn theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;</i></p> <p>(c) Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có;</p> <p>(d) Tỷ lệ mua, <i>nắm giữ</i>, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;</p> <p>(e) <i>Tỷ lệ bảo đảm an toàn khác.</i></p> <p>11. 2. Ngân hàng tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia <i>phải ký quỹ tiền tại</i> Ngân hàng Nhà nước, nắm giữ số lượng tối thiểu giấy tờ có giá được phép cầm cố theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.</p> <p>11.3. Tổng số vốn của Ngân hàng đầu tư vào tổ chức tín dụng khác, công ty con của Ngân hàng dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần và khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán không được tính vào vốn tự có khi tính tỷ lệ bảo đảm an toàn.</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 138 Luật các TCTD.
30.	Sửa đổi, bổ sung Điều 12	<p>Điều 12. Dự phòng rủi ro</p> <p>12.1 Ngân hàng phải dự phòng rủi ro trong hoạt động của mình. Khoản dự phòng</p>	<p>Điều 12. Dự phòng rủi ro</p> <p>12.1. Ngân hàng phải dự phòng rủi ro trong hoạt động của mình. Khoản dự phòng rủi ro này được hạch</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 147 Luật các TCTD.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p>rủi ro này được hạch toán vào chi phí hoạt động.</p> <p>12.2. Việc phân loại tài sản có, <u>mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng khoản dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động</u> do Ngân hàng Nhà nước quy định.</p> <p>12.3. Trong trường hợp Ngân hàng thu hồi được vốn đã xử lý bằng khoản dự phòng rủi ro, số tiền thu hồi này được coi là doanh thu của Ngân hàng.</p>	<p>toán vào chi phí hoạt động.</p> <p>12.2. Việc phân loại tài sản có thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước <i>hoặc theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong trường hợp đặc biệt.</i></p> <p>12.3. <i>Việc sử dụng dự phòng rủi ro không làm thay đổi nghĩa vụ trả nợ của khách hàng đối với khoản nợ được sử dụng dự phòng rủi ro và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến khoản nợ.</i> Mức trích lập dự phòng rủi ro, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng <i>thực hiện theo quy định của Chính phủ.</i></p> <p>12.4. Trường hợp Ngân hàng thu hồi được vốn đã xử lý bằng khoản dự phòng rủi ro, số tiền thu hồi này <u>được hạch toán</u> vào doanh thu của Ngân hàng</p>	
31.	Sửa đổi, bổ sung Điều 14.3, Điều 14.5, Điều 14.6.	<p>14.3. Các hình thức giảm vốn điều lệ của Ngân hàng:</p> <p>(a) Ngân hàng mua lại sau đó hủy bỏ một số lượng cổ phiếu quỹ có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến được điều chỉnh giảm theo phương án được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua hoặc hủy bỏ số lượng cổ phiếu quỹ buộc phải hủy;</p> <p>(b) Ngân hàng thu hồi, sau đó hủy bỏ một số cổ phiếu của các cổ đông với tổng mệnh giá tương ứng với số vốn điều lệ giảm;</p> <p>(c) <u>Giảm vốn điều lệ khi Ngân hàng kinh doanh thua lỗ 03 (ba) năm liên tiếp và có số lỗ lũy kế bằng 50% (năm mươi phần trăm) vốn của các cổ đông trở lên nhưng chưa mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn;</u></p> <p>(d) Các hình thức khác do Đại hội đồng cổ</p>	<p>14.3. Các hình thức giảm vốn điều lệ của Ngân hàng:</p> <p>(a) Ngân hàng mua lại sau đó hủy bỏ một số lượng cổ phiếu quỹ có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến được điều chỉnh giảm theo phương án được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua hoặc hủy bỏ số lượng cổ phiếu quỹ buộc phải hủy;</p> <p>(b) Ngân hàng thu hồi, sau đó hủy bỏ một số cổ phiếu của các cổ đông với tổng mệnh giá tương ứng với số vốn điều lệ giảm;</p> <p>(c) Các hình thức khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định, phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.</p> <p>14.5. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn điều lệ <i>và việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và pháp luật khác có liên quan.</i></p> <p>14.6. Sau khi đã thay đổi vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước, Ngân</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 37 Luật các TCTD.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p>đồng quyết định, phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.</p> <p>14.5 Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>14.6 Sau khi đã thay đổi vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước, <u>Ngân hàng phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vốn điều lệ mới và gửi văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận số vốn điều lệ đã được đăng ký cho Ngân hàng Nhà nước, đồng thời phải đăng báo trung ương, địa phương theo quy định của pháp luật về số vốn điều lệ mới.</u></p>	<p>hàng phải thực hiện thủ tục sau đây:</p> <p>(a) <i>Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng phù hợp với mức vốn điều lệ đã được chấp thuận</i></p> <p>(b) <i>Công bố mức vốn điều lệ trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận trên 01 phương tiện truyền thông của Ngân hàng Nhà nước và 01 tờ báo in trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam.</i></p>	
32.	Sửa đổi, bổ sung Điều 16.1	<p>16.1 Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:</p> <p>(a) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Ngân hàng;</p> <p>(b) Cổ phần chào bán cho người lao động, người quản lý, người điều hành của Ngân hàng hoặc đối tượng khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>(c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận <u>của số cổ đông đại diện trên 75% (bảy mươi</u></p>	<p>16.1 Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:</p> <p>(a) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Ngân hàng;</p> <p>(b) Cổ phần chào bán cho người lao động, người quản lý, người điều hành của Ngân hàng hoặc đối tượng khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>(c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông số cổ đông đại diện trên 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với khoản 3 Điều 126 Luật doanh nghiệp.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p><u>lăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</u></p>		
33.	Sửa đổi, bổ sung Điều 17	<p>Điều 17. Giới hạn sở hữu cổ phần</p> <p>17.1 Một cổ đông cá nhân được sở hữu tối đa 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng.</p> <p>17.2 Một cổ đông là tổ chức được sở hữu cổ phần tối đa 15% (mười lăm phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng trừ trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>17.3 Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng.</p> <p>17.4 Cổ đông và những người có liên quan của cổ đông đó được sở hữu tối đa 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ trường hợp khác theo quy định của pháp luật. Cổ đông lớn của Ngân hàng và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác.</p> <p>17.5 Tỷ lệ sở hữu quy định tại các Điều 17.1, Điều 17.2 và Điều 17.4 của Điều lệ này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.</p> <p>17.6 Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần tại Điều này.</p>	<p>Điều 17. Giới hạn sở hữu cổ phần</p> <p>17.1. Một cổ đông là cá nhân <i>không được sở hữu cổ phần vượt quá 05%</i> (năm phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng.</p> <p>17.2. Một cổ đông là tổ chức <i>không được sở hữu cổ phần vượt quá 10%</i> (mười phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng.</p> <p>17.3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó <i>không được sở hữu cổ phần vượt quá 15%</i> (mười lăm phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng. <i>Cổ đông lớn của Ngân hàng và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 05%</i> (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng khác.</p> <p>17.4. <i>Quy định tại Điều 17.2 và Điều 17.3 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Điều 17.6 Điều này.</i></p> <p>17.5. <i>Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại các Điều 17.1 và Điều 17.2 Điều này bao gồm cả số cổ phần sở hữu gián tiếp. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều 17.3 Điều này bao gồm cả cổ phần do cổ đông ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần và không bao gồm sở hữu cổ phần của người có liên quan là công ty con của cổ đông đó.</i></p> <p>17.6. Nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần của Ngân hàng theo quy định của Chính phủ, bao gồm quy định tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư đó tại một tổ chức tín dụng Việt Nam; điều kiện, thủ tục nhà đầu tư nước ngoài được</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 63 Luật các TCTD.</p>

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
			<p>mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam; điều kiện đối với tổ chức tín dụng Việt Nam bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài.</p> <p>17.7 Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần tại Điều này.</p>	
34.	Sửa đổi khoản 18.2 Điều 18	18.2 Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.	18.2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 9.2 Điều lệ mẫu.
35.	Sửa đổi khoản 18.3 Điều 18	18.3 Các trường hợp chuyển nhượng cổ phần sau đây phải được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi chuyển nhượng: (a) Chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn; (b) Chuyển nhượng cổ phần dẫn đến cổ đông lớn trở thành cổ đông thường và ngược lại.	18.3 Các trường hợp chuyển nhượng cổ phần sau đây phải được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi chuyển nhượng: mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn. Cổ đông, người nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng có trách nhiệm phối hợp với Ngân hàng thực hiện thủ tục xin chấp thuận đối với nội dung quy định tại khoản này.	Điều chỉnh cho phù hợp với điểm đ khoản 1 Điều 37 Luật các TCTD.
36.	Sửa đổi, bổ sung khoản 18.4 Điều 18	18.4 Việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông cá nhân, cổ đông tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc trong thời gian đảm nhiệm chức vụ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.	18.4 Việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp tại Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành	Điều chỉnh cho phù hợp với khoản 1 Điều 64 Luật các TCTD.
37.	Sửa đổi khoản 18.5 Điều 18	18.5 Trong thời gian đang xử lý các hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước do trách nhiệm cá nhân, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám	18.5 Trong thời gian đang xử lý hậu quả do trách nhiệm cá nhân theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc	Điều chỉnh cho phù hợp với khoản 2, khoản 3 Điều 64 Luật các TCTD.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p>đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>(a) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;</p> <p>(b) Bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án;</p> <p>(c) Chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p>	<p>không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>(a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;</p> <p>(b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo bản án, quyết định của Tòa án <i>đã có hiệu lực pháp luật</i>;</p> <p>(c) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư khác nhằm thực hiện <i>phương án phục hồi, phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt</i>.</p>	
38.	Xóa bỏ Điều 19	<p><u>Điều 19. Mua lại cổ phần</u></p> <p><u>19.1 Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Ngân hàng:</u></p> <p><u>Ngân hàng có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức (nếu có) đã bán theo quy định sau đây:</u></p> <p><u>(a) Hội đồng Quản trị Ngân hàng có quyền quyết định mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 (mười hai) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết</u></p>	Không quy định	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 39 Luật các TCTD .

		<p><u>định;</u></p> <p><u>(b) Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Điều 19.1(c) của Điều lệ này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Ngân hàng và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận nào khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;</u></p> <p><u>(c) Ngân hàng có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Ngân hàng theo trình tự, thủ tục sau đây.</u></p> <p><u>(i) Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Ngân hàng.</u></p> <p><u>(ii) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được Ngân hàng trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã</u></p>		
--	--	--	--	--

số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần \ đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Ngân hàng chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nói trên.

19.2 Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

(a) Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Ngân hàng hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Ngân hàng mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Ngân hàng mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Ngân hàng trong thời hạn 10 (mười) kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này;

(b) Ngân hàng phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Điều 19.2(a) của Điều lệ này với giá thị trường hoặc giá thỏa thuận trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Ngân hàng giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức

định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

19.3 Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại:

- (a) Ngân hàng chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông quy định tại Điều 19.1 và Điều 19.2 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Ngân hàng vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác, bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, vốn điều lệ không được thấp hơn mức vốn pháp định và các điều kiện liên quan khác do Ngân hàng Nhà nước quy định. Việc Ngân hàng mua lại cổ phần của chính mình phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện nếu dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng;
- (b) Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 19.1 và Điều 19.2 của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định của pháp luật. Ngân hàng phải đăng ký giám vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được Ngân hàng mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác;
- (c) Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p><u>phần đã được mua lại được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng được thanh toán đầy đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Ngân hàng;</u></p> <p>(d) <u>Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Ngân hàng giảm hơn 10% (mười phần trăm) thì Ngân hàng phải thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.</u></p> <p>(e) <u>Trường hợp việc thanh toán cổ phần được mua lại trái với quy định tại Điều 19.3 (a) của Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 85 của Điều lệ này, cổ đông phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Ngân hàng thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.</u></p>		
39.	Thay đổi vị trí Điều 20 thành Điều 19.			
40.	Xóa bỏ Điều 21	<p><u>Điều 21. Thừa kế cổ phần</u></p> <p><u>21.1 Việc thừa kế cổ phần thực hiện theo quy định của Điều lệ này, pháp luật về thừa kế</u></p>	Không quy định	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 39 Luật các TCTD.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p>và các quy định của pháp luật khác có liên quan.</p> <p>21.2 Sau khi xuất trình đầy đủ các giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp, người thừa kế thực hiện đăng ký các loại cổ phần được thừa kế tại sổ đăng ký cổ đông và trở thành cổ đông của Ngân hàng, được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế phù hợp với quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.</p> <p>21.3 Người thừa kế cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Người quản lý khác được sở hữu cổ phần nhưng không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng.</p>		
41.	<p>Sửa đổi khoản 22.2, Điều 22, thay đổi vị trí thành Điều 20.</p>	<p>22.2. Chứng nhận cổ phiếu của Ngân hàng phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>(a) Tên, địa chỉ Trụ sở chính của Ngân hàng;</p> <p>(b) Số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>(c) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;</p> <p>(d) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;</p> <p>(e) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</p> <p>(f) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;</p> <p>(g) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng;</p>	<p>20.2 Chứng nhận cổ phiếu của Ngân hàng phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>(a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;</p> <p>(b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;</p> <p>(c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;</p> <p>(d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</p> <p>(e) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;</p> <p>(f) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng;</p> <p>(g) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng và ngày phát hành cổ phiếu;</p> <p>Các nội dung khác theo quy định của Luật Doanh</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p>

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/cần cứ pháp lý
		(h) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng và ngày phát hành cổ phiếu; (i) Các nội dung khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.	nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi	
42.	Sửa đổi, bổ sung Điều 23, thay đổi vị trí thành Điều 21	Điều 23. Phát hành trái phiếu Việc phát hành trái phiếu của Ngân hàng phải đảm bảo các quy định sau đây: 23.1. <u>Chào bán trái phiếu riêng lẻ và chào bán trái phiếu ra công chúng của Ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan.</u> 23.2. Đại hội đồng cổ đông quyết định về loại, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền. Việc biểu quyết thông qua nghị quyết về chào bán trái phiếu của Ngân hàng được thực hiện theo quy định tại Điều 37 của Điều lệ này. 23.2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 23.2 Điều này, Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ về chào bán trái phiếu riêng lẻ.	Điều 21. Phát hành trái phiếu Việc phát hành trái phiếu của Ngân hàng phải đảm bảo các quy định sau đây: 21.1. Đại hội đồng cổ đông quyết định về loại, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền. Việc biểu quyết thông qua nghị quyết về chào bán trái phiếu của Ngân hàng được thực hiện theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ này. 21.2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 21.1 Điều này, Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ về chào bán trái phiếu riêng lẻ.	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 107 Luật các TCTD.
43.	Thay đổi vị trí	Điều 24 thành Điều 22		
44.	Sửa đổi, bổ sung Điều 25, thay đổi vị trí thành Điều 23	Điều 25. Cơ cấu tổ chức, quản trị, kiểm soát Ngân hàng Cơ cấu tổ chức quản trị, điều hành và kiểm soát của Ngân hàng bao gồm: 25.1 Đại hội đồng cổ đông; 25.2 Hội đồng quản trị; 25.3 Ban kiểm soát; 25.4 Tổng Giám đốc.	Điều 23. Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng bao gồm: 23.1 Đại hội đồng cổ đông; 23.2 Hội đồng quản trị; 23.3 Ban kiểm soát; 23.4 Tổng Giám đốc.	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 40, Luật các TCTD.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
45.	Sửa đổi, bổ sung khoản 26.3 Điều 26, thay đổi vị trí thành Điều 24	26.3 Ngân hàng có tối thiểu 100 (một trăm) cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa, trừ trường hợp Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng. Người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông.	24.3 Ngân hàng có tối thiểu 100 (một trăm) cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa, trừ trường hợp Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt và <i>Ngân hàng được chuyển giao bắt buộc</i> đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng. Người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông.	Điều chỉnh cho phù hợp với khoản 6 Điều 60 Luật các TCTD.
46.	Thay đổi vị trí	Điều 27 thành Điều 25		
47.	Sửa đổi, bổ sung Điều 28, thay đổi vị trí thành Điều 26	<p>Điều 28. Quyền của cổ đông</p> <p>28.1 Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:</p> <p>(a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền <u>tại cuộc họp hoặc thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu từ xa, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác</u>; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết; <u>Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông</u>;</p> <p>(b) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Ngân hàng;</p> <p>(c) Xem xét, tra cứu và trích lục <u>các</u> thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>(d) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Ngân hàng, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>(e) Khi Ngân hàng giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Ngân hàng sau khi Ngân hàng đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Ngân hàng theo quy định của pháp luật;</p>	<p>Điều 26. Quyền của cổ đông</p> <p>26.1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:</p> <p>(a) Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.</p> <p>(b) Nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>(c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Ngân hàng.</p> <p>(d) Chuyển nhượng cổ phần, quyền mua cổ phần cho cổ đông khác Ngân hàng hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ này.</p> <p>(e) Xem, tra cứu, trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình.</p> <p>(f) Xem, tra cứu, trích lục, sao chụp Điều lệ này, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>(g) Được chia phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại Ngân hàng khi Ngân hàng giải thể hoặc phá sản.</p> <p>(h) Ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 61 Luật các TCTD.

Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
	<p>(f) Được chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông khác của Ngân hàng, cho tổ chức, cá nhân khác hoặc bán lại cổ phần cho Ngân hàng theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan;</p> <p>(g) Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền được ủy quyền lại bằng văn bản cho người khác nếu được cổ đông đồng ý; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình.</p> <p>(h) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Ngân hàng có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>(i) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Ngân hàng công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>(j) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>28.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên, có thêm các quyền sau:</p> <p>(a) <u>Đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có). Tùy thuộc vào số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, số lượng ứng cử viên mà mỗi cổ đông, nhóm cổ đông có quyền đề cử phụ thuộc tỷ lệ sở</u></p>	<p>không được ứng cử với tư cách của chính mình.</p> <p>(i) Ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật. Danh sách ứng cử viên phải được gửi đến Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định.</p> <p>(j) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên. Số lượng ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát được đề cử tương ứng theo tỷ lệ nêu tại điểm này.</p> <p>26.2. Cổ đông ưu đãi biểu quyết có quyền biểu quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với cổ phần phổ thông và các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ việc chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác.</p> <p>26.3. Cổ đông ưu đãi cổ tức có các quyền sau đây:</p> <p>(a) Nhận cổ tức theo mức ưu đãi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi phát hành cổ phần ưu đãi;</p> <p>(b) Được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Ngân hàng, sau khi Ngân hàng đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi Ngân hàng giải thể hoặc phá sản;</p> <p>(c) Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p>	

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p><u>hữu cổ phần của mỗi nhóm theo quy định tại Điều 28.5 Điều lệ này;</u></p> <p>(b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>(c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau:</p> <p>(i) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;</p> <p>(ii) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;</p> <p>(iii) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p> <p>(d) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn</p>		

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p>danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>(e) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>(f) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>28.3 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau</p> <p>(a) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Ngân hàng;</p> <p>(b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại Điều 28.4 của Điều lệ này</p> <p>(c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết.</p>		

Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
	<p>Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp, số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.</p> <p>(d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>28.4 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 28.3 Điều lệ này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</p> <p>(a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;</p> <p>(b) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng;</p> <p>(c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ</p>		

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/cần cứ pháp lý
		<p>về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p> <p>28.5 Số lượng ứng cử viên mà các nhóm cổ đông có quyền đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cụ thể như sau:</p> <p>(a) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên;</p> <p>(b) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;</p> <p>(c) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;</p> <p>(d) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;</p> <p>(e) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;</p> <p>(f) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên;</p> <p>(g) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên;</p> <p>(h) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông có</p>		

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p>quyền biểu quyết được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên.</p> <p>28.6 Cổ đông ưu đãi biểu quyết có quyền biểu quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với cổ phần phổ thông và các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ việc chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác.</p> <p>28.7 Cổ đông ưu đãi cổ tức có các quyền sau đây:</p> <p>(a) Nhận cổ tức theo mức ưu đãi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi phát hành cổ phần ưu đãi;</p> <p>(b) Được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Ngân hàng, sau khi Ngân hàng đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi Ngân hàng giải thể hoặc phá sản;</p> <p>(c) Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p>		
48.	Sửa đổi, bổ sung Điều 29, thay đổi vị trí thành Điều 27	<p>Điều 29. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>29.1 Cổ đông của Ngân hàng phải thực hiện các nghĩa vụ sau:</p> <p>(a) Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn do Ngân hàng quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi số vốn đã góp vào Ngân hàng;</p> <p>(b) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Ngân hàng dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ trường hợp được Ngân hàng hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định tại Điều lệ này;</p>	<p>Điều 27. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>27.1 Cổ đông của Ngân hàng phải thực hiện các nghĩa vụ sau:</p> <p>(a) Thanh toán đủ số tiền tương ứng với số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do Ngân hàng quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào Ngân hàng;</p> <p>(b) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Ngân hàng dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ trường hợp Ngân hàng mua lại cổ phần của cổ đông theo quy định Luật các tổ chức tín dụng;</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 62 Luật các TCTD.

Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/cần cứ pháp lý
	<p>(c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua, nhận chuyển nhượng cổ phần Ngân hàng; không sử dụng nguồn vốn do Ngân hàng cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng; không được góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;</p> <p>(d) Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Ngân hàng;</p> <p>(e) Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p> <p>(f) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ này và Quy chế quản lý nội bộ của Ngân hàng;</p> <p>(g) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Ngân hàng dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: Vi phạm pháp luật; Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Ngân hàng;</p> <p>(h) Cung cấp thông tin và địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.</p> <p>(i) Bảo mật các thông tin được Ngân hàng cung cấp theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Ngân hàng cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>29.2 Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức,</p>	<p>(c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại Ngân hàng; không sử dụng nguồn vốn do Ngân hàng cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng; không được góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;</p> <p>(d) Tuân thủ Điều lệ và các quy định nội bộ của Ngân hàng;</p> <p>(e) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p> <p>(f) Chịu trách nhiệm khi nhân danh Ngân hàng dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh, giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>27.2 Bảo mật thông tin được Ngân hàng cung cấp theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; không được phát tán, sao, gửi thông tin được Ngân hàng cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>27.3 Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho Ngân hàng thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong Ngân hàng. Ngân hàng có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông nhận ủy thác đầu tư trong trường hợp cổ đông này không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.</p>	

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p>cá nhân khác phải cung cấp thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư; <u>nếu không cung cấp thông tin cho Ngân hàng</u>, trong trường hợp Ngân hàng phát hiện ra chủ sở hữu thực sự, Hội đồng quản trị của Ngân hàng có quyền đình chỉ các quyền cổ đông liên quan đến số cổ phần không công khai chủ sở hữu thực sự.</p> <p>29.3 Bảo vệ uy tín, tài sản, lợi ích và giữ bí mật về các hoạt động của Ngân hàng.</p> <p>29.4 Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.</p>	<p>27.4 Bảo vệ uy tín, tài sản, lợi ích và giữ bí mật về các hoạt động của Ngân hàng.</p> <p>27.5 Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.</p>	
49.	Thay đổi vị trí	Điều 30 thành Điều 28		
50.	Sửa đổi, bổ sung khoản 31.1, Điều 31 và thay đổi vị trí thành Điều 29	<p>Điều 31. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>31.1 Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>(a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng;</p> <p>(b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc 1/2 (một nửa) năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ;</p> <p>(c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này;</p> <p>(d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 28.3 Điều lệ này. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả</p>	<p>Điều 29. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>29.1. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần do Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>29.2 Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>(a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng;</p> <p>(b) Số thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại Điều 51.2 Điều lệ này;</p> <p>(c) Số thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại Điều 61.2 Điều lệ này;</p> <p>(d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông;</p> <p>(e) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 67 Luật các TCTD.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p>các cổ đông có liên quan);</p> <p>(e) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Người quản lý cấp cao của Ngân hàng (Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Ngân hàng) vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>(f) Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>(g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>(f) Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Ngân hàng;</p> <p>29.3. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
51.	Sửa đổi, bổ sung Điều 32, thay đổi vị trí thành Điều 30.	<p>Điều 32. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>32.1 Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần do Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>32.2 Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:</p> <p>(a) Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;</p> <p>(b) <u>Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng;</u></p> <p>(c) <u>Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</u></p> <p>(d) <u>Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan;</u></p> <p>(e) <u>Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác hàng năm đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</u></p> <p>(f) <u>Xem xét và xử lý vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;</u></p> <p>(g) <u>Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, điều hành của Ngân hàng;</u></p> <p>(h) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ</p>	<p>Điều 30. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>30.1 Đại hội đồng cổ đông có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:</p> <p>(a) Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;</p> <p>(b) Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng;</p> <p>(c) Thông qua quy định, quy chế về quản trị nội bộ, về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>(d) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ này của Ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan;</p> <p>(e) Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>(f) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;</p> <p>(g) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng;</p> <p>(h) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;</p> <p>(i) Thông qua phương án mua lại hơn 10% (mười phần trăm) cổ phần đã bán theo quy định tại Điều lệ này;</p> <p>(j) Thông qua phương án phát hành trái phiếu</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với điều 67 Luật các TCTD.

Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
	<p>phần, bao gồm loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;</p> <p>(i) Thông qua <u>việc</u> mua lại hơn 10% (mười phần trăm) cổ phần đã bán theo quy định tại Điều lệ này;</p> <p>(j) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;</p> <p>(k) Thông qua mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>(l) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán; phương án phân phối lợi nhuận sau khi Ngân hàng đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng;</p> <p>(m) Lựa chọn công ty kiểm toán;</p> <p>(n) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn;</p> <p>(o) Thông qua các hợp đồng, giao dịch của Ngân hàng có giá trị <u>lớn hơn</u> 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn và người có liên quan của <u>họ</u>; Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng. Trong trường hợp này, các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết;</p> <p>(p) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng</p>	<p>chuyển đổi;</p> <p>(k) Thông qua phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm (nếu có) theo quy định Luật Các tổ chức tín dụng;</p> <p>(l) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng;</p> <p>(m) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;</p> <p>(n) Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của Ngân hàng;</p> <p>(o) Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>(p) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>(q) Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), cổ đông lớn của Ngân hàng; người có liên quan của người</p>	

Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
	<p>khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên <u>so với vốn điều lệ</u> của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>(q) Quyết định việc đầu tư, mua, bán tài sản của Ngân hàng có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên <u>so với vốn điều lệ</u> của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>(r) Quyết định thành lập Công ty con;</p> <p>(s) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;</p> <p>(t) Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng;</p> <p>(u) <u>Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;</u></p> <p>(v) <u>Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Ngân hàng, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</u></p> <p>(w) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.</p>	<p>quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của tổ Ngân hàng, trừ trường hợp Ngân hàng đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc;</p> <p>(r) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;</p> <p>(s) Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định tại Điều 96 của Điều lệ này;</p> <p>(t) Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng;</p> <p>30.2 Đại hội đồng cổ đông cổ đông thường niên thảo luận và thông qua tối thiểu các vấn đề sau:</p> <p>(a) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán; phương án phân phối lợi nhuận sau khi Ngân hàng đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng.</p> <p>(b) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn.</p> <p>(c) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Ngân hàng</p> <p>(d) Báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>(e) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>(f) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Ngân hàng, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc</p> <p>(g) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát</p> <p>(h) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>(i) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền</p> <p>30.3 Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>(a) Thông qua các hợp đồng quy định tại Điều 30.1 của Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có</p>	

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
			<p>liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>(b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>30.4 Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	
52.	Xóa bỏ Điều 33.7 và thay đổi vị trí thành Điều 31.	<p>33.7 Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>(a) Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp</p> <p>(b) Cổ đông là doanh nghiệp Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được cử người có</p>	Không quy định	

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p>quan hệ gia đình của người quản lý Ngân hàng và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Ngân hàng làm người đại diện tại Ngân hàng;</p> <p>(c) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.</p>		
53.	Sửa đổi, bổ sung Điều 34, thay đổi vị trí thành Điều 32	<p>Điều 34. Thay đổi các quyền</p> <p>34.1 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>34.2 Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực</p>	<p>Điều 32. Thay đổi các quyền</p> <p>32.1 Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>32.2 Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 17 Điều lệ mẫu.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/cần cứ pháp lý
		<p>tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>34.3 Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 36 và Điều 37 Điều lệ này.</p> <p>34.4 Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Ngân hàng không bị thay đổi khi Ngân hàng phát hành thêm các cổ phần cùng loại.</p>	<p>cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>32.3 Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 33 và Điều 34 Điều lệ này.</p> <p>32.4 Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Ngân hàng không bị thay đổi khi Ngân hàng phát hành thêm các cổ phần cùng loại.</p>	
54.	Bổ sung Khoản 1, Điều 35, thay đổi vị trí thành Điều 33.	Không quy định	<p>Điều 33. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>33.1 Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Điều 29.2 Điều lệ này.</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật các TCTD.
55.	Thay đổi vị trí Điều 36 thành Điều 34			
56.	Sửa đổi, bổ sung khoản 37.4 Điều 37 và thay đổi vị trí thành Điều 35.	37.4 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề quy định tại các Điều 32.2(a), Điều 32.2(d), Điều 32.2(f) và Điều 32.2(s) của Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông..	35.4 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề quy định tại các Điều 30.1(a), Điều 30.1(d), Điều 30.1(f) và Điều 30.1(r) của Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đônggg.	Điều chỉnh do thay đổi số từ tự và phù hợp với khoản 5 Điều 46 Luật các TCTD.
57.	Sửa đổi, bổ sung điểm c, khoản 37.5, Điều	(c) Được số cổ đông đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận đối với việc thay đổi ngành, nghề lĩnh vực	(c) Được số cổ đông đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận đối với việc thay đổi ngành, nghề lĩnh vực kinh doanh và một số vấn	Điều chỉnh do thay đổi thứ tự và phù hợp với khoản 4 Điều 67 Luật các TCTD.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/cần cứ pháp lý
	37 và thay đổi vị trí thành điểm c, khoản 35.3, Điều 35.	kinh doanh và một số vấn đề được nêu tại các Điều 32.2(b), Điều 32.2 (g), Điều 32.2(h), Điều 32.2(q), Điều 32.2(s) Điều lệ này.	được nêu tại các Điều 30.1(h), Điều 30.1 (p), Điều 30.1 (r) Điều lệ này.	
58.	Sửa đổi, bổ sung khoản 37.6, Điều 37 và thay đổi vị trí thành Điều 35	37.6 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại Điều 34.1 Điều lệ này.	35.6 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp quy định tại Điều 30.1 (h), Điều 30.1(p) Điều lệ này.	Điều chỉnh do thay đổi số thứ tự và phù hợp với khoản 4 Điều 67 Luật các TCTD.
59.	Sửa đổi, bổ sung Điều 38 và thay đổi vị trí thành Điều 36.	<p>Điều 38. Thể thức tiến hành họp, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>38.1 Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.</p> <p>38.2 Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ngân hàng sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết hoặc các phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy</p>	<p>Điều 36 Thể thức tiến hành họp, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>36.1 Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.</p> <p>36.2 Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ngân hàng sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết hoặc các phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. <i>Đại hội đồng cổ đông</i></p>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 146 của Luật Doanh nghiệp và Điều 20, Điều 22.8, Điều 22.9 của Điều lệ mẫu.

		<p>quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết bằng thẻ tại Đại hội đồng cổ đông, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng thu tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. <u>Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Khi biểu quyết bằng các phiếu biểu quyết có thể bao gồm nhiều vấn đề cần lấy biểu quyết. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết sẽ được xác lập thành biên bản riêng.</u> Đại hội đồng cổ đông sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa <u>nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.</u></p> <p>38.3 <u>Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn</u> có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.</p> <p>38.4 Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay</p>	<p><i>thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết bằng thẻ tại Đại hội đồng cổ đông, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng thu tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. <u>Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</u> Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa.</i></p> <p>36.3 <i>Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</i></p> <p>36.4 Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>36.5 Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa <i>hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</i> do Hội đồng quản trị triệu tập, trường hợp Chủ</p>	
--	--	---	---	--

		<p>trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>38.5 Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa <u>các cuộc họp</u> do Hội đồng quản trị triệu tập, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu ra Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp, <u>Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị.</u></p> <p>38.6 Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cử một người hoặc Tổ thư ký làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>38.7 Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá 03 (ba) người theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>38.8 Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>38.9 Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu ra Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>36.6 Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cử một người hoặc Tổ thư ký làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>36.7 Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá 03 (ba) người theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>36.8 Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>36.9 Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>36.10 <i>Chủ tọa đại hội có thể hoãn Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</i></p> <p>(a) <i>Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</i></p>	
--	--	--	--	--

		<p>38.10 Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội <u>khí có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.</u></p> <p>38.11 Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.</p> <p>38.12 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà người triệu tập Đại hội đồng cổ đông cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>38.13 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp sau:</p> <p>(a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>(b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;</p>	<p>(b) <i>Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</i></p> <p>(c) <i>Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</i></p> <p>36.11 <i>Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Điều 38.10, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc, tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</i></p> <p>36.12 Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.</p> <p>36.13 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà người triệu tập Đại hội đồng cổ đông cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>36.14 <i>Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:</i></p>	
--	--	--	---	--

		<p>(c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>	<p>(a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp lý, hợp pháp khác.</p> <p>(b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp hoặc trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông..</p>		
	38.14	<p>Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>(a) Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</p> <p>(b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều này.</p>	36.15	<p>Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>(a) Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</p> <p>(b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội. Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều này.</p>	
	38.15	<p>Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.</p>	36.16	<p>Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.</p>	
			36.17	<p><i>Trường hợp Ngân hàng áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Ngân hàng có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện</i></p>	

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
			<i>từ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật chứng khoán.</i>	
60.	Sửa đổi khoản 39.1, Điều 39 và thay đổi vị trí thành Điều 37.1.	Điều 39. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 39.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản của Ngân hàng và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây	Điều 39. <i>Nghị quyết</i> , Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 37.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản của Ngân hàng và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. <i>Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</i>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 23.1 Điều lệ mẫu.
61.	Sửa đổi khoản 39.2, Điều 39 và thay đổi vị trí thành Điều 37.2	39.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.	37.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải <i>lập</i> xong và thông qua trước khi <i>kết thúc</i> cuộc họp.	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 23.2 Điều lệ mẫu.
62.	Sửa đổi khoản 39.3, Điều 39 và thay đổi vị trí thành Điều 37.3	39.3 Chủ toạ và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	37.3 Chủ toạ và thư ký cuộc họp <i>hoặc người khác ký tên trong Biên bản họp</i> phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 23.3 Điều lệ mẫu.
63.	Bổ sung khoản 39.6, Điều 39 và thay đổi vị trí thành Điều 37.5	Không quy định	37.5. <i>Biên bản được lập bằng Tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản bằng Tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung biên bản bằng Tiếng Việt được áp dụng.</i>	Bổ sung cho phù hợp với Điều 23.3 Điều lệ mẫu.
64.	Sửa đổi khoản 39.5, Điều 39 và thay đổi vị trí	39.5 <u>Biên bản phải có chữ ký xác nhận của Chủ toạ đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại Trụ sở chính</u>	37.6 <i>Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp</i>	Điều chỉnh chi phù hợp với Điều 23.4 Điều lệ mẫu.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
	Thành Điều 37.6	<u>của Ngân hàng.</u>	<i>luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Ngân hàng.</i>	
65.		Thay đổi vị trí Điều Điều 39.6 thành 37.7		
66.	Sửa đổi khoản 40.3, Điều 40 và thay đổi vị trí thành Điều 38.3	40.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: (f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>và người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.</u>	38.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: (f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 149.3 Luật Doanh nghiệp, Điều 22.3 Điều lệ mẫu.
67.	Sửa đổi khoản 40.6, Điều 40 và thay đổi vị trí thành Điều 38.6.	40.6 Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Ngân hàng. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: (f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, <u>người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng</u> , người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;	38.6 Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Ngân hàng. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: (f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người <i>giám sát</i> kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;	
68.	Sửa đổi khoản 40.7, Điều 40 và thay đổi vị trí	40.7 Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên trang chủ (website) của Ngân hàng trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ và gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.	38.7 Biên bản kết quả kiểm phiếu <i>và nghị quyết</i> phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. <i>Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 24 giờ, kể</i>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 149.6 Luật Doanh nghiệp và Điều 22.6 Điều lệ mẫu.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
	Thành Điều 38.7		<i>từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</i>	
69.	Sửa đổi Điều 41 và thay đổi vị trí thành Điều 39.	<p>Điều 41. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 28.2 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>41.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật; hoặc</u></p> <p>41.2 Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. <u>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này và pháp luật.</u></p>	<p>Điều 39. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 29.2 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>39.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng, trừ trường hợp quy định tại Điều 35.2 Điều lệ này</p> <p>39.2 Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 24 Điều lệ mẫu.
70.	Sửa đổi, bổ sung khoản 42.1, 42.2, 42.4 Điều 42 và thay đổi vị trí thành Điều 40.1, Điều 40.2, 40.4	<p>42.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>42.2 Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính của Ngân hàng, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống, kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Ngân</p>	<p>40.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, <i>thực hiện quyền, nghĩa vụ</i> của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>40.2. <i>Ban kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</i></p> <p>40.4 Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với khoản 1, Điều 44, khoản 1 Điều 50, khoản 1 Điều 51 Luật các TCTD.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p>hàng.</p> <p>42.4 Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác trong Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng được bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm phải được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</p>	<p>nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm các chức danh này.</p>	
71.	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 43 và thay đổi vị trí thành Điều 41.</p>	<p>Điều 43. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Người quản lý, Người điều hành và một số chức danh khác của Ngân hàng</p> <p>43.1 Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>(a) Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 44.2 của Điều lệ này;</p> <p>(b) Có đạo đức nghề nghiệp;</p> <p>(c) Có bằng Đại học trở lên;</p> <p>(d) Hiểu biết về hoạt động ngân hàng:</p> <p>(i) Có ít nhất 03 năm làm Người quản lý, Người điều hành của tổ chức tín dụng; hoặc</p> <p>(ii) Có ít nhất 05 (năm) năm làm Người quản lý, Người điều hành doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định của ngân hàng thương mại cổ phần; hoặc</p> <p>(iii) Có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kiểm toán hoặc kế toán.</p> <p>(e) Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.</p> <p>43.2 Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên đáp ứng các điều kiện theo</p>	<p>Điều 41. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Người quản lý, Người điều hành và một số chức danh khác của Ngân hàng</p> <p>41.1 Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>(a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42.1 của Điều lệ này;</p> <p>(b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>(c) Có trình độ từ đại học trở lên;</p> <p>(d) Có một trong các điều kiện sau đây:</p> <p>(i). có ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng;</p> <p>(ii). có ít nhất 05 (năm) năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với ngân hàng thương mại cổ phần;</p> <p>(iii). có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;</p> <p>(e) Có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán án.</p> <p>41.2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 41 Luật các TCTD.</p>

		<p>Điều 43.1 Điều lệ này và các yêu cầu sau:</p> <p>(a) <u>Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;</u></p> <p>(b) Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng bất kỳ thời gian nào trong 03 (ba) năm liền kể trước đó;</p> <p>(c) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản được hưởng theo tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>(d) Không phải là người có vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột là cổ đông lớn của Ngân hàng, là Người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng;</p> <p>(e) Không <u>trực tiếp hoặc đại diện</u> sở hữu từ 1% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng;</p> <p>(f) Không cùng Người có liên quan theo quy định tại Điều lệ này sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng;</p> <p>(g) Không phải là Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kể trước đó;</p> <p>(h) <u>Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với Ngân hàng chiếm từ 30% (ba mươi phần trăm) trở lên tổng doanh thu hoặc</u></p>	<p>đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41.1 Điều lệ này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>(a) <i>Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 năm liền kể trước đó;</i></p> <p>(b) <i>Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng, ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng;</i></p> <p>(c) <i>Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;</i></p> <p>(d) <i>Không đại diện sở hữu cổ phần của Ngân hàng; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;</i></p> <p>(e) <i>Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kể trước đó.</i></p> <p>41.3. Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>(a) Tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41.1 (a), Điều 41.1 (b) Điều lệ này;</p> <p>(b) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;</p> <p>(c) Có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p>(d) Không phải là người có liên quan của người quản lý Ngân hàng;</p> <p>(e) Trưởng Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam</p>	
--	--	---	---	--

		<p><u>tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của Ngân hàng trong 02 (hai) năm gần nhất;</u> (i) <u>Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho Ngân hàng trong 02 (hai) năm gần nhất;</u> (j) <u>Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.</u></p> <p>43.3 Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>(a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại Điều 44.2 của Điều lệ này; (b) Có đạo đức nghề nghiệp; (c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán; (d) Không phải là người có liên quan của Người quản lý Ngân hàng; (e) Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm; (f) Không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Ngân hàng và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng; (g) Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.</p> <p>43.4 Tổng Giám đốc Ngân hàng phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>(a) <u>Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 44.2 của Điều lệ này;</u> (b) Có đạo đức nghề nghiệp; (c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật; (d) <u>Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm:</u></p>	<p>trong thời gian đương nhiệm;</p> <p>41.4. Tổng giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>(a) <i>Tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41.1.(a), Điều 41.1.(b) Điều lệ này;</i> (b) <i>Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;</i> (c) <i>Có một trong các điều kiện sau đây:</i> (i) <i>có ít nhất 05 (năm) năm là người điều hành tổ chức tín dụng;</i> (ii) <i>có ít nhất 05 (năm) năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</i> (iii) <i>có ít nhất 10 (mười) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</i> (d) <i>Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm</i></p> <p>41.5. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty con và các chức danh tương đương theo quy định của Ngân hàng phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>(a) <i>Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42.2 Điều lệ này; đối với Phó Tổng giám đốc phải không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42.1 Điều lệ này;</i> (b) <i>Có một trong các điều kiện sau đây:</i> (i) <i>có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ngành</i></p>	
--	--	---	---	--

		<p>(i) Có ít nhất 05 (năm) năm làm Người điều hành của tổ chức tín dụng; hoặc</p> <p>(ii) Có ít nhất 05 (năm) năm làm Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định của ngân hàng thương mại cổ phần và có ít nhất 05 (năm) làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; hoặc</p> <p>(iii) Có ít nhất 10 (mười) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán hoặc kiểm toán;</p> <p>(e) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;</p> <p>(f) <u>Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.</u></p> <p>43.5 Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc các Công ty con và chức danh tương đương Ngân hàng phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>(a) Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 44.1 của Điều lệ này; Phó Tổng Giám đốc không thuộc đối tượng quy định tại Điều 44.2 của Điều lệ này;</p> <p>(b) Có đạo đức nghề nghiệp;</p> <p>(c) Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm:</p> <p>(i) Có bằng Đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc</p> <p>(ii) Có bằng Đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong ngành tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh</p>	<p><i>khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;</i></p> <p>(ii) <i>có trình độ từ đại học trở lên về ngành khác và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;</i></p> <p>(c) <i>Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;</i></p> <p>(d) <i>Kế toán trưởng còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán;</i></p>	
--	--	---	--	--

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p>vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;</p> <p>(iii) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>(d) <u>Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.</u></p>		
72.	Sửa đổi, bổ sung Điều 44 và thay đổi vị trí thành Điều 42	<p>Điều 44. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ:</p> <p>44.1 Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Công ty con của Ngân hàng:</p> <p>(a) Người chưa thành niên; người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;</p> <p>(b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; <u>đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;</u></p> <p>(c) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích; người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;</p> <p>(d) Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng; Người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp nhà nước <u>tại Ngân hàng;</u></p> <p>(e) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ những người được cử làm đại diện quản lý phần</p>	<p>Điều 42. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ:</p> <p>42.1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ này:</p> <p>(a) <i>Người thuộc đối tượng quy định tại Điều 42.2 Điều này;</i></p> <p>(b) <i>Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;</i></p> <p>(c) <i>Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;</i></p> <p>(d) <i>Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng</i></p>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 42 Luật các TCTD.

Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
	<p>vốn góp của Nhà nước tại Ngân hàng;</p> <p>(f) Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của Ngân hàng;</p> <p>(g) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p>44.2. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc ngân hàng:</p> <p>(a) Thuộc đối tượng quy định tại Điều 0 Điều lệ này (trừ trường hợp quy định tại Điều 0(f));</p> <p>(b) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;</p> <p>(c) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của doanh nghiệp, <u>Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;</u></p> <p>(d) <u>Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;</u></p> <p>(e) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ</p>	<p>theo quy định tại Điều 47 của Luật Các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;</p> <p>(e) Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Ngân hàng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 69, điểm b khoản 1 Điều 73 và điểm a khoản 2 Điều 77 của Luật Các tổ chức tín dụng;</p> <p>(f) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc Ngân hàng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.</p> <p>42.2. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty con của Ngân hàng:</p> <p>(a) Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>(b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;</p> <p>(c) Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;</p> <p>(d) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;</p> <p>(e) Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ</p>	

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/cần cứ pháp lý
		<p>tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của tổ chức tín dụng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành hoặc bị cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan pháp luật xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;</p> <p>(f) Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc <u>không được là thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng;</u></p> <p>(g) Người có liên quan của <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị không được là Tổng Giám đốc của Ngân hàng;</u></p> <p>(h) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc Ngân hàng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.</p>	<p><i>cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng theo yêu cầu nhiệm vụ;</i></p> <p>(f) <i>Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng;</i></p> <p>(g) <i>Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.</i></p> <p>42.3 <i>Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Ngân hàng và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của Ngân hàng.</i></p>	
73.	Sửa đổi, bổ sung Điều 45 và thay đổi vị trí thành Điều 43	<p>Điều 45. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ</p> <p>45.1 Thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng:</p> <p>(a) <u>Không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng;</u></p> <p>(b) <u>Không được đồng thời là Người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp</u></p>	<p>Điều 43. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ</p> <p>43.1 <i>Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.</i></p> <p>43.2 <i>Thành viên Hội đồng quản trị không phải là</i></p>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 43 Luật các TCTD.

Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
	<p>tổ chức đó là Công ty con của Ngân hàng hoặc là thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng đó;</p> <p>(c) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên 05 (năm) công ty khác, trừ trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị của các Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng hoặc là người đại diện của công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán;</p> <p>(d) Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng không được đồng thời là người điều hành của Ngân hàng và của tổ chức tín dụng khác;</p> <p>(e) Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.</p> <p>45.2 Thành viên Ban kiểm soát:</p> <p>(a) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành, nhân viên của Ngân hàng hoặc thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành, nhân viên của Công ty con của Ngân hàng hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc của Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;</p> <p>(b) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành</p>	<p>thành viên độc lập của Ngân hàng không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</p> <p>(a) Người điều hành Ngân hàng, trừ trường hợp là Tổng giám đốc của Ngân hàng;</p> <p>(b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành Công ty con của Ngân hàng hoặc của Công ty mẹ của Ngân hàng hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;</p> <p>(c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.</p> <p>43.3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Ngân hàng không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</p> <p>(a) Người điều hành Ngân hàng;</p> <p>(b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;</p> <p>(c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.</p> <p>43.4. Thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành, nhân viên của Ngân hàng nhận chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt:</p> <p>(a) Người quản lý, người điều hành Ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của Ngân hàng hoặc Công ty con Ngân hàng;</p> <p>(b) Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông</p>	

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p>viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành tại Ngân hàng;</p> <p>(c) <u>Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát, Người quản lý của tổ chức tín dụng khác.</u></p> <p>45.3 <u>Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là Công ty con của Ngân hàng.</u> <u>Tổng Giám đốc không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.</u> <u>Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương không được đồng thời là Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.</u></p>	<p><i>lớn của doanh nghiệp đó.</i></p> <p>43.5 <i>Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ này là người quản lý, người điều hành Công ty con của Ngân hàng hoặc của Công ty mẹ của Ngân hàng.</i></p>	
74.	Sửa đổi, bổ sung Điều 46 và thay đổi vị trí thành Điều 44	<p>Điều 46. Công khai các lợi ích liên quan</p> <p>46.1 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của Ngân hàng phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Ngân hàng, bao gồm:</p> <p>(a) Tên, địa chỉ Trụ sở chính, ngành, <u>nghe kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng</u></p>	<p>Điều 44. Công khai các lợi ích liên quan</p> <p>44.1 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của Ngân hàng <i>phải cung cấp cho Ngân hàng các thông tin sau đây:</i></p> <p>(a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ Trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan trực tiếp đứng</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 49 Luật các TCTD.

Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/cần cứ pháp lý
	<p>ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan trực tiếp đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho người, tổ chức khác đứng tên quản lý từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ của doanh nghiệp, tổ chức đó; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;</p> <p>(b) Tên, địa chỉ Trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.</p> <p>46.2 <u>Việc kê khai quy định tại Điều 46.1 Điều lệ này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Ngân hàng trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.</u></p> <p>46.3 <u>Việc kê khai quy định tại Điều 46.1 và Điều 46.2 Điều lệ này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên gần nhất hoặc thông báo định kỳ hàng năm cho cổ đông của Ngân hàng và được niêm yết, lưu giữ tại Trụ sở chính của Ngân hàng.</u></p> <p>46.4 <u>Ngân hàng phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại Điều 46.1 trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin công khai theo quy</u></p>	<p>tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;</p> <p>(b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ Trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc;</p> <p>(c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;</p> <p>(d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.</p> <p>44.2 <u>Cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng phải cung cấp cho Ngân hàng các thông tin sau đây:</u></p> <p>(a) Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;</p> <p>(b) Thông tin về người có liên quan theo quy định tại Điều 44.1 (c), Điều 44.1 (d) của Điều lệ này;</p> <p>(c) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại Ngân hàng;</p> <p>(d) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại Ngân hàng.</p> <p>44.3 <u>Đối tượng quy định tại Điều 44.1 và Điều 44.2 của Điều lệ này phải gửi Ngân hàng bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ</u></p>	

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
	46.5	<p><u>định tại Điều 46.2 Điều lệ này.</u> <u>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Ngân hàng đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Ngân hàng.</u></p>	<p><i>ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.</i> <i>Đối với thông tin tại Điều 44.2 (c), Điều 44.2 (d) của Điều lệ này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho Ngân hàng khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng so với lần cung cấp lần trước.</i></p> <p>44.4 <i>Ngân hàng phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại Điều 44.1 và Điều 44.2 của Điều lệ này tại trụ sở chính của Ngân hàng và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, Ngân hàng công bố thông tin quy định tại các Điều 44.1.(a), Điều 44.1.(b), Điều 44.1.(d) và các Điều 44.2.(a), Điều 44.2.(c), Điều 44.2.(d) của Điều lệ này với Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng.</i></p> <p>44.5 <i>Ngân hàng phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng và thông tin quy định tại Điều 44.2.(c) và Điều 44.2.(d) của Điều lệ này trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin cung cấp.</i></p> <p>44.6 <i>Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó..</i></p>	
75.	Sửa đổi, bổ sung Điều 47 và thay đổi vị trí	<p>Điều 47. Nghĩa vụ của Người quản lý và Người điều hành khác</p> <p>47.1 <u>Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, quyết định của Đại hội đồng</u></p>	<p>Điều 45. Quyền, nghĩa vụ của Người quản lý và Người điều hành Ngân hàng</p> <p>45.1 <u>Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng.</u></p>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 48 Luật các TCTD.

Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/cần cứ pháp lý
Thành Điều 45	<p>cổ đông của Ngân hàng.</p> <p>47.2 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông.</p> <p>47.3 <u>Trung thành với lợi ích của Ngân hàng;</u> không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Ngân hàng, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Ngân hàng để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông.</p> <p>47.4 Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ngân hàng về quyền lợi có thể gây xung đột mà họ có được ở các tổ chức kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác và chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi Hội đồng quản trị đã xem xét và chấp thuận.</p> <p>47.5 Không được cạnh tranh bất hợp pháp với Ngân hàng hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của Ngân hàng.</p> <p>47.6 Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình quy định Điều 1.1(j) Điều lệ này vay vốn, sử dụng các dịch vụ khác của Ngân hàng với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của pháp luật và của Ngân hàng.</p> <p>47.7 Không được tăng lương, thù lao, trả thưởng khi Ngân hàng bị lỗ.</p> <p>47.8 Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của Ngân hàng để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của Ngân hàng, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước.</p>	<p>45.2 <i>Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông.</i></p> <p>45.3 <i>Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Ngân hàng, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Ngân hàng để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông.</i></p> <p>45.4 <i>Chịu trách nhiệm trong việc chấp hành các quy định hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng của Ngân hàng theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng.</i></p> <p>45.5 <i>Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ngân hàng về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của Ngân hàng và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được Hội đồng quản trị chấp thuận.</i></p> <p>45.6 <i>Không được tạo điều kiện để cá nhân hoặc người có liên quan của mình quy định Điều 1.1(j) Điều lệ này vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của Ngân hàng với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của pháp luật và của Ngân hàng.</i></p> <p>45.7 <i>Không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng cho người quản lý, người điều hành khi Ngân hàng bị lỗ.</i></p> <p>45.8 <i>Trong phạm vi quyền, nghĩa vụ được giao, có trách nhiệm thực hiện yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước. Thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động, cảnh báo nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng, kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.</i></p>	

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		47.9 Am hiểu các loại rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng. 47.10 Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.	45.9 <i>Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của Ngân hàng để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của Ngân hàng, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước.</i> 45.10 <i>Am hiểu các loại rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng.</i> 45.11 <i>Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.y.</i>	
76.	Thay đổi vị trí	Điều 48 thành Điều 46		
77.	Xóa bỏ Điều 49	Điều 49. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chấp thuận 49.1 Hợp đồng, giao dịch giữa Ngân hàng với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận: (a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng trở lên và những người có liên quan của họ; (b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ; (c) Doanh nghiệp quy định tại Điều 46.1(a) và Điều 46.1(b) Điều lệ này và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc. 49.2 Các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng nêu tại Điều 49.1 Điều lệ này có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan	Không quy định	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 39 Luật các TCTD và thống nhất với các nội dung khác của Điều lệ

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p>không có quyền biểu quyết. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận theo tỷ lệ biểu quyết quy định Điều 37.6 của Điều lệ này.</p> <p>49.3 Các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng nêu tại Điều 49.1 Điều lệ này có giá trị <u>bằng hoặc nhỏ hơn 20%</u> (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất phải được Hội đồng quản trị chấp thuận. Tổng Giám đốc Ngân hàng gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị và niêm yết tại Trụ sở chính, Chi nhánh Ngân hàng dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.</p> <p>49.4 Trường hợp hợp đồng, giao dịch được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều 49.2 và Điều 49.3 Điều lệ này thì hợp đồng đó bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật. Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Ngân hàng các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.</p>		
78.	Sửa đổi, bổ sung Điều	Điều 50. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng	Điều 47. Những trường hợp đương nhiên mất tư cách	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 45 Luật các TCTD.

Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/cần cứ pháp lý
50 và thay đổi vị trí thành Điều 47	<p style="text-align: center;">Giám đốc</p> <p>50.1 Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:</p> <p>(a) <u>Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;</u></p> <p>(b) Vi phạm quy định những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại của Điều 44 Điều lệ này;</p> <p>(c) Là người đại diện phần vốn góp của của một tổ chức là cổ đông của Ngân hàng khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;</p> <p>(d) Tư cách làm người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức chấm dứt;</p> <p>(e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;</p> <p>(f) Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;</p> <p>(g) <u>Hết nhiệm kỳ mà thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không được bầu lại;</u></p> <p>(h) <u>Hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực.</u></p> <p>50.2 Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được (các) thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các Điều 50.1 của Điều lệ này, Hội đồng quản trị phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.</p> <p>50.3 Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng sau khi bị xác định đương</p>	<p>47.1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc của Ngân hàng:</p> <p>(a) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42 của Điều lệ này;</p> <p>(b) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của Ngân hàng khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;</p> <p>(c) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;</p> <p>(d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;</p> <p>(e) Khi Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép;</p> <p>(f) Khi hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực;</p> <p>(g) Chết.</p> <p>47.2. Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các nhân sự đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các điểm Điều 47.1.(a), Điều 47.1.(b), Điều 47.1.(c), Điều 47.1.(d), Điều 47.1 (f), Điều 47.1.(g) Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhân sự đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.</p> <p>47.3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng ứng vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.</p>	

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p>nhiệm mất tư cách vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ này hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>50.4 Chức danh đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y trước đây của những người bị mất tư cách đương nhiên theo quy định tại Điều 50.1 của Điều lệ này đương nhiên hết hiệu lực.</p>		
79.	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 51 và thay đổi vị trí thành Điều 48.</p>	<p>Điều 51. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc</p> <p>51.1 Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc của Ngân hàng bị xem xét bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> (a) <u>Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;</u> (b) Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (trong đó nêu rõ lý do từ chức); (c) Không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập; (d) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong 06 (sáu) tháng liên tục trừ trường hợp bất khả kháng; (e) Bị cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Điều 46 và Điều 47 của Điều lệ này; (f) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 43 của Điều lệ này; (g) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật. <p>51.2 Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ</p>	<p>Điều 48. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc</p> <p>48.1 <i>Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 47 của Điều lệ này, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc của Ngân hàng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> (a) <i>Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng;</i> (b) <i>Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</i> (c) <i>Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Điều lệ này;</i> (d) <i>Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng quản trị không đáp ứng quy định tại Điều 41.2 và Điều 43.3 của Điều lệ này;</i> (e) <i>Trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo Điều lệ này;</i> <p>48.2. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Điều 48.1 Điều lệ này.</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 46 Luật các TCTD.</p>

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p>đồng quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Điều 51.1 Điều lệ này.</p> <p>51.3 <u>Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc của Ngân hàng sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ này, hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.</u></p> <p>51.4 <u>Chức danh đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y trước đây đương nhiên hết hiệu lực khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Ngân hàng.</u></p> <p>51.5 <u>Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với (các) thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc theo quy định Điều này, Hội đồng quản trị Ngân hàng phải có văn bản thông báo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật.</u></p> <p>51.6 <u>Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thông báo, Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm hoặc thuê Tổng Giám đốc mới.</u></p>	<p>48.3. <i>Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc của Ngân hàng vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.</i></p> <p>48.4. <i>Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các nhân sự theo quy định tại Điều 48.1 Điều lệ này, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.</i></p>	
80.	Sửa đổi, bổ sung Điều 52 và thay đổi vị trí	<p>Điều 52. Đình chỉ, tạm đình chỉ chức danh Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát</p> <p>52.1 Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa</p>	<p>Điều 49. Đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành, Ban kiểm soát</p> <p>49.1 Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 47 Luật các TCTD.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
	Thành Điều 49	<p>vụ của Chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban, các thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành Ngân hàng vi phạm quy định tại Điều 45 của Điều lệ này, quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>52.2 Ban kiểm soát đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước thành lập khi Ngân hàng bị kiểm soát đặc biệt có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; Người điều hành của Ngân hàng bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>52.3 Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 52.1 và Điều 52.2 của Điều lệ này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc Ban kiểm soát đặc biệt.</p>	<p>Chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban, các thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành Ngân hàng vi phạm quy định tại Điều 43, Điều 45.8 Điều lệ này, quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao <i>hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 Điều lệ này</i>; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>49.2 Ban kiểm soát đặc biệt có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; Người điều hành của Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>49.3 Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 49.1 và Điều 49.2 của Điều lệ này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc Ban kiểm soát đặc biệt.</p>	
81.	Bổ sung Điều 50	<p>Không quy định</p>	<p>Điều 50. Căn cứ, phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Căn cứ, phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 39 Luật các TCTD.</p>

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
			<p>quy định tại Điều lệ này, Quy định nội bộ của Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.</p>	
82.	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 53 và thay đổi vị trí thành Điều 51</p>	<p>Điều 53. Thành phần và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị</p> <p>53.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>53.2 <u>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 (năm) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc. Hội đồng quản trị có tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị không phải là Người điều hành Ngân hàng và thành viên độc lập, trong đó có tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập.</u></p> <p>53.3 <u>Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được quyền</u></p>	<p>Điều 51. Thành phần và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị</p> <p>51.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>51.2 <i>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị phải có tối thiểu là 05 (năm) thành viên và không quá là 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và không phải là người điều hành của Ngân hàng. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</i></p> <p>51.3 <i>Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.</i></p> <p>51.4 Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua để cử và ứng cử vẫn không</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2, Điều 50, Điều 69 Luật các TCTD; - Điều 26.3, Điều 26.4, Điều 26.5 Điều lệ mẫu.

Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/cần cứ pháp lý
	<p>tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.</p> <p>53.4 Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Ngân hàng quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p> <p>53.5 <u>Việc bầu các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật.</u></p> <p>53.6 <u>Những người được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</u></p> <p>53.7 Nếu Hội đồng quản trị không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bổ sung đủ số lượng trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày..</p>	<p>đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Ngân hàng quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p> <p>51.5 <i>Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</i></p> <p>51.6 <i>Nếu Hội đồng quản trị có số thành viên ít hơn tối thiểu theo quy định tại Điều 51.2 Điều lệ này, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu Ngân hàng phải bổ sung đủ số thành viên Hội đồng quản trị.</i></p> <p>51.7 <i>Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế, trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách theo quy định tại Điều 47 của Điều lệ này.</i></p>	

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
83.	Sửa đổi, bổ sung Điều 54, điều chỉnh vị trí thành Điều 52	<p>Điều 54. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.</p> <p>54.1. Chiu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p> <p>54.2. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Ngân hàng.</p> <p>54.3. Quyết định cơ cấu tổ chức của Trụ sở chính, bộ phận kiểm toán nội bộ, Chi nhánh, Công ty con, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.</p> <p>54.4. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định Điều Error! Reference source not found. của Điều lệ này.</p> <p>54.5. Quyết định việc mở Chi nhánh, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.</p> <p>54.6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị, các chức danh thuộc Chi nhánh, Công ty con, đơn vị sự nghiệp, Trưởng Văn phòng đại diện và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị trên cơ sở quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.</p> <p>54.7. <u>Ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc.</u></p> <p>54.8. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi</p>	<p>Điều 52. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.</p> <p>52.1 Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 30.1 của Điều lệ này.</p> <p>52.2 Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng.</p> <p>52.3 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị.</p> <p>52.4 Cử người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.</p> <p>52.5 Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.</p> <p>52.6 Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>52.7 Quyết định khoản cấp tín dụng theo quy định theo quy định Luật các tổ chức tín dụng, trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 70 Luật các TCTD;

		<p>trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.</p> <p>54.9. Cử người đại diện vốn góp (đại diện theo ủy quyền) của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.</p> <p>54.10. Quyết định đầu tư, <u>giao dịch</u> mua, bán tài sản của Ngân hàng từ 10% (mười phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, <u>giao dịch</u> mua, bán tài sản của Ngân hàng quy định tại Điều Error! Reference source not found. Điều lệ này.</p> <p>54.11. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều Error! Reference source not found. của Điều lệ này.</p> <p>54.12. <u>Thông qua các hợp đồng giao dịch của Ngân hàng với Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn và người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.</u></p> <p>54.13. Chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p>	<p>quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>52.8 Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Ngân hàng; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng.</p> <p>52.9 Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.</p> <p>52.10 Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; định kỳ hằng năm đánh giá về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.</p> <p>52.11 Ban hành quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị, hoạt động của Ngân hàng phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>52.12 Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.</p> <p>52.13 Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.</p> <p>52.14 Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.</p> <p>52.15 Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của tổ chức tín dụng.</p> <p>52.16 Quyết định mua lại cổ phần của theotheotổ chức tín dụng theo phương án được duyệt.</p> <p>52.17 Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ</p>	
--	--	---	--	--

	<p>54.14. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.</p> <p>54.15. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ này, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>54.16. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.</p> <p>54.17. Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.</p> <p>54.18. <u>Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.</u></p> <p>54.19. <u>Đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.</u></p> <p>54.20. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.</p> <p>54.21. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng.</p> <p>54.22. Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p> <p>54.23. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.</p> <p>54.24. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội</p>	<p>tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.</p> <p>52.18 Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.</p> <p>52.19 Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>52.20 Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.</p> <p>52.21 Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.</p> <p>52.22 Phê duyệt các nội dung liên quan đến phương án cơ cấu lại Ngân hàng gắn với xử lý nợ xấu thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>52.23 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị.</p> <p>52.24 Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.</p>	
--	---	---	--

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p>đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát.</p> <p>54.25. Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định.</p> <p>54.26. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng quản trị.</p> <p>54.27. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.</p> <p>54.28. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng.</p> <p>54.29. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>54.30. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Ngân hàng.</p> <p>54.31. Phê duyệt các nội dung liên quan đến phương án cơ cấu lại Ngân hàng gắn với xử lý nợ xấu thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.</p>		
84.	Sửa đổi, bổ sung Điều 55, thay đổi	<p>Điều 55. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>55.1. Hội đồng quản trị bầu ra một Chủ tịch <u>và (các) Phó chủ tịch trong số các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số</u></p>	<p>Điều 53. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>53.1. Hội đồng quản trị bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam trong suốt nhiệm kỳ của mình.</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 71, Luật các TCTD,

Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
<p>vị trí thành Điều 53</p>	<p>quá bán. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam trong suốt nhiệm kỳ của mình.</p> <p>55.2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị:</p> <p>(a) Triệu tập và Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>(b) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>(c) Chuẩn bị nội dung, tài liệu, chương trình phục vụ cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc để lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị; triệu tập và Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>(d) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện và giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định đó;</p> <p>(e) Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Ngân hàng, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>(f) Đảm bảo rằng các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác, và dễ hiểu liên quan đến các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;</p> <p>(g) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ</p>	<p>53.2 Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị:</p> <p>(a) Triệu tập và Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>(b) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>(c) Chuẩn bị nội dung, tài liệu, chương trình phục vụ cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc để lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị; triệu tập và Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>(d) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện và giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định đó;</p> <p>(e) Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Ngân hàng, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>(f) Đảm bảo rằng các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác, và dễ hiểu liên quan đến các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;</p> <p>(g) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>(h) Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn của họ;</p> <p>(i) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p>	

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/cần cứ pháp lý
		<p>tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>(h) Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn của họ;</p> <p>(i) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>(j) Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị <u>tối thiểu mỗi năm một lần</u> và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này;</p> <p>(k) Đảm bảo rằng người lao động có thể được báo cáo về những bất bình thường liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động và các vấn đề chung, kể cả các vi phạm về quy tắc đạo đức của Ngân hàng, với Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên độc lập khác của Hội đồng quản trị;</p> <p>(l) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>(m) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.</p> <p>55.3. <u>Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản cho một Phó chủ tịch hoặc một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong thời gian Chủ tịch vắng mặt và thông báo cho các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng biết về việc ủy quyền này. Nếu Chủ tịch vắng mặt mà không ủy quyền hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì các thành viên còn lại bầu một Phó chủ</u></p>	<p>(j) <i>Định kỳ hàng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi năm một lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này;</i></p> <p>(k) <i>Đảm bảo rằng người lao động có thể được báo cáo về những bất bình thường liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động và các vấn đề chung, kể cả các vi phạm về quy tắc đạo đức của Ngân hàng, với Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên độc lập khác của Hội đồng quản trị;</i></p> <p>(l) <i>Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;</i></p> <p>(m) <i>Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.</i></p> <p>53.3. <i>Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong thời gian Chủ tịch vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ và thông báo cho các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng biết về việc ủy quyền này. Nếu Chủ tịch vắng mặt mà không ủy quyền hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị</i></p>	

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/cần cứ pháp lý
		<p>tích tạm thời giữ chức Chủ tịch. Trường hợp Chủ tịch và Phó chủ tịch đều vắng mặt hoặc không thể làm việc được thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bầu một người khác trong số họ để tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.</p>		
85.	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 56 và thay đổi vị trí thành Điều 54</p>	<p>Điều 56. Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: 56.1. Cùng với các thành viên khác của Hội đồng quản trị quản trị Ngân hàng theo quy định của Điều lệ này và pháp luật. 56.2. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông. 56.3. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người quản trị, điều hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo. 56.4. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị. 56.5. Yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật. 56.6. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật. 56.7. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả <u>các vấn đề</u> thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng</p>	<p>Điều 54. Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: 54.1 Cùng với các thành viên khác của Hội đồng quản trị quản trị Ngân hàng theo quy định của Điều lệ này và pháp luật. 54.2 Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực, <i>cẩn trọng</i> vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; <i>phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.</i> 54.3 Xem xét báo cáo kiểm toán, báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người quản trị, điều hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, <i>làm rõ</i> các vấn đề có liên quan đến báo cáo. 54.4 Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị. 54.5 Yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật. 54.6 Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật.</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 72 Luật các TCTD,</p>

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p>quản trị theo quy định tại Điều lệ này, <u>trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích</u>. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình.</p> <p>56.8. Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.</p> <p>56.9. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.</p> <p>56.10. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p>	<p>54.7 Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về <i>nội dung</i> tất cả thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình. <i>Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.</i></p> <p>54.8 <i>Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các Điều 52.1, Điều 52.3, Điều 52.5, Điều 52.6, Điều 52.7, Điều 52.8, Điều 52.9, Điều 52.11, Điều 52.12, Điều 52.13, Điều 52.17 của Điều lệ này.</i></p> <p>54.9 Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.</p> <p>54.10 Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.</p> <p>54.11 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p>	
86.	Sửa đổi, bổ sung Điều 57 và thay đổi vị trí thành Điều 55.	<p>Điều 57. Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>57.1 Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị không hưởng lương mà hưởng thù lao công việc. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao công việc và tiền thưởng dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng.</p> <p>57.2 Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết</p>	<p>Điều 55. Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>55.1 Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị không hưởng lương mà hưởng thù lao công việc. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao công việc và tiền thưởng dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng.</p> <p>55.2 Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành</p>	Điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với Điều 28.6 Điều lệ mẫu

		<p>hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>57.3 Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Ngân hàng, Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Ngân hàng.</p> <p>57.4 Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các ủy ban (bao gồm các ủy ban, tiểu ban, hội đồng..) của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>57.5 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc</p>	<p>nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>55.3 Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Ngân hàng, Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Ngân hàng.</p> <p>55.4 Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các ủy ban (bao gồm các ủy ban, tiểu ban, hội đồng..) của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>55.5 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các ủy ban của Hội đồng quản trị.</p> <p>55.6 Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Ngân</p>	
--	--	--	---	--

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p>tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các ủy ban của Hội đồng quản trị</p>	<p><i>hàng mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.</i></p>	
87.	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 58 và thay đổi vị trí thành Điều 56</p>	<p>Điều 58. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>58.1 Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.</p> <p>58.2 Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại Trụ sở chính của Ngân hàng hoặc ở nơi khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định. Trường hợp họp lần đầu của nhiệm kỳ sẽ do</p>	<p>Điều 56. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>56.1 Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.</p> <p>56.2 Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại Trụ sở chính của Ngân hàng hoặc ở nơi khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định. Trường hợp họp lần đầu của nhiệm kỳ sẽ do người triệu tập quyết định.</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 30.2, Điều 30.3, Điều 30.4, Điều 30.7 Điều lệ mẫu.</p>

		<p>người triệu tập quyết định.</p> <p>58.3 <u>Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp 01 (một) lần.</u></p> <p>58.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>(a) Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;</p> <p>(b) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) cán bộ quản lý;</p> <p>(c) Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>(d) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>58.5 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp.</p> <p>Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức</p>	<p>56.3 <i>Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường.</i></p> <p>56.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:</p> <p>(a) <i>Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập;</i></p> <p>(b) <i>Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý;</i></p> <p>(c) <i>Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;</i></p> <p>(d) <i>Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật khác có liên quan.</i></p> <p>56.5 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp.</p> <p>Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng.</p> <p>56.6 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng</p>	
--	--	--	---	--

		<p>khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng.</p> <p>58.6 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p><u>Trường</u> Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>58.7 Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng quản trị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị dự họp bỏ phiếu bầu Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>58.8 Ngân hàng quy định trong quy định nội bộ của Hội đồng quản trị các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp Hội đồng quản trị trong trường hợp cần họp khẩn cấp.</p>	<p>Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p><i>Thành viên</i> Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>56.7 Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng quản trị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị dự họp bỏ phiếu bầu Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>56.8 Ngân hàng quy định trong quy định nội bộ của Hội đồng quản trị các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp Hội đồng quản trị trong trường hợp cần họp khẩn cấp.</p> <p>56.9 Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ $\frac{3}{4}$ (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc</p>	
--	--	---	--	--

		<p>58.9 Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ $\frac{3}{4}$ (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn $\frac{1}{2}$ (một nửa) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>58.10 Biểu quyết:</p> <p>(a) Trừ quy định tại Điều 58.10(b) Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 (một) phiếu biểu quyết;</p> <p>(b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Ngân hàng. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>(c) Theo quy định tại Điều 58.10(b) Điều lệ này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết</p>	<p>hợp được tiến hành nếu có hơn $\frac{1}{2}$ (một nửa) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>56.10 Biểu quyết:</p> <p>(a) Trừ quy định tại Điều 56.10 (b) Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 (một) phiếu biểu quyết;</p> <p>(b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Ngân hàng. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>(c) Theo quy định tại Điều 56.10 (b) Điều lệ này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>56.11 Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao</p>	
--	--	---	---	--

		<p>bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>(d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 49.2 của Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p> <p>58.11 Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Ngân hàng và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Ngân hàng, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</p> <p>58.12 Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p>	<p>dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Ngân hàng và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Ngân hàng, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</p> <p>56.12 Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>(a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>(b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p>(c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>(d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>(e) Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>56.13 Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy</p>	
--	--	---	---	--

		<ul style="list-style-type: none"> - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; - Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này. - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. - Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. <p>58.13 Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>58.14 Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của người Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>58.15 Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành</p>	<p>quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>56.14 Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của người Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>56.15 Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>(a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>(b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</p> <p>56.16 Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.</p> <p>56.17 Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng</p>	
--	--	---	--	--

		<p>viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>(a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>(b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</p> <p>58.16 Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.</p> <p>58.17 Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p> <p>58.18 Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết</p>	<p>định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p> <p>56.18 Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</p> <p>56.19 Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi.</p> <p>56.20 Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng.</p> <p>56.21 Biên bản họp Hội đồng quản trị:</p> <p>(a) Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; (ii) Thời gian, địa điểm họp; (iii) Mục đích, chương trình và nội dung họp; (iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức 	
--	--	---	---	--

		<p>được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</p> <p>58.19 Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi.</p> <p>58.20 <u>Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</u></p> <p>58.21 Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường</p>	<p>dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>(v) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>(vi) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>(vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>(viii) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>(ix) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại điểm (b) khoản này.</p> <p>(b) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các tiết (i), (ii), (iii), (iv), (v), (vi), (vii) và (viii) điểm (a) khoản này thì biên bản này có hiệu lực.</p> <p>(c) Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p> <p>(d) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.</p> <p>(e) Biên bản lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. Biên bản lập bằng Tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng</p>	
--	--	---	---	--

		<p>hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.</p> <p>58.22 Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>(a) Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; (ii) Thời gian, địa điểm họp; (iii) Mục đích, chương trình và nội dung họp; (iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; (v) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; (vi) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; (vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến; (viii) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; 	<p>nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p>	
--	--	--	---	--

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p>(ix) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại điểm (b) khoản này.</p> <p>(b) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các tiết i, ii, iii, iv, v, vi, vii và viii điểm (a) khoản này thì biên bản này có hiệu lực.</p> <p>(c) Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p> <p>(d) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.</p> <p>(e) Biên bản lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. Biên bản lập bằng Tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng</p>		
88.	Thay đổi các vị trí từ	Điều 59 thành Điều 57		
89.	Thay đổi tên gọi Điều 60 và thay đổi vị trí thành Điều 58	<p>60.3 Hội đồng quản trị thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm, bao gồm các tiểu ban sau:</p> <p>(a) Tiểu ban chính sách phát triển;</p> <p>(b) Tiểu ban lương thưởng; và</p> <p>(c) Các tiểu ban đặc biệt khác theo quyết định</p>	<p>Điều 58. Các ủy ban và tiểu ban giúp việc của Hội đồng quản trị</p> <p>58.3 Hội đồng quản trị thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm, bao gồm các tiểu ban sau:</p> <p>(a) Tiểu ban chính sách phát triển;</p> <p>(b) Tiểu ban lương thưởng; và</p> <p>(c) <i>Các tiểu ban đặc biệt khác theo quyết định của</i></p>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 31 Điều lệ mẫu.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p>của Đại hội đồng cổ đông. Tiểu ban lương thưởng phải có ít nhất 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị độc lập làm trưởng ban. Trường hợp Ngân hàng không thành lập các tiểu ban thì Hội đồng quản trị cử thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách riêng về từng vấn đề như lương thưởng.</p>	<p><i>Hội đồng quản trị.</i> Tiểu ban lương thưởng phải có ít nhất 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị độc lập làm trưởng ban. Trường hợp Ngân hàng không thành lập các tiểu ban thì Hội đồng quản trị cử thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách riêng về từng vấn đề như lương thưởng.</p>	
90.		Thay đổi vị trí các Điều từ Điều 61, Điều 62 thành Điều 59, Điều 59, Điều 60.		
91.	Sửa đổi, bổ sung Điều 63 và thay đổi vị trí thành Điều 61.	<p>Điều 63. Ban kiểm soát và cơ cấu ban kiểm soát</p> <p>63.1 Ban kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động Ngân hàng, thực hiện <u>kiểm toán nội bộ, kiểm soát</u>, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị của Ngân hàng.</p> <p>63.2 Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ 03 (ba) <u>đến 05 (năm) thành viên. Ban kiểm soát phải có ít nhất 01(một) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Số thành viên Ban kiểm soát chuyên trách không ít hơn 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác.</u></p> <p>63.3 Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm; nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát; <u>thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</u> Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết</p>	<p>Điều 61. Ban kiểm soát và cơ cấu ban kiểm soát</p> <p>61.1 Ban kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động Ngân hàng, thực hiện <i>giám sát đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị của Ngân hàng.</i></p> <p>61.2 <i>Số lượng thành viên Ban kiểm soát tối thiểu của Ngân hàng là 05 (năm) thành viên.</i></p> <p>61.3 Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm; nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p> <p>61.4 <i>Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại Điều 61.2 Điều lệ này thì trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung bảo đảm số thành viên tối thiểu..</i></p> <p>61.5 <i>Ban kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm</i></p>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 51 Luật các TCTD

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p>thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p> <p>63.4 Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát <u>không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của Điều lệ này</u> thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Ngân hàng phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>63.5 Ban kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, <u>được sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.</u></p>	<p><i>toán nội bộ để thực hiện nhiệm vụ của mình.</i></p>	
92.	Sửa đổi, bổ sung Điều 64 và thay đổi vị trí thành Điều 62	<p>Điều 64. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát</p> <p>64.1 Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.</p> <p>64.2 Xem xét thư ý kiến của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban điều hành Ngân hàng.</p> <p>64.3 Xem xét báo cáo của Ngân hàng về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>64.4 Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban điều hành.</p> <p>64.5 Giám sát việc tuân thủ <u>các quy định</u> của pháp luật và Điều lệ này trong quản trị, điều hành Ngân hàng; chịu trách nhiệm <u>trước pháp luật</u>, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ,</p>	<p>Điều 62. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát</p> <p>62.1. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.</p> <p>62.2. Xem xét thư ý kiến của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban điều hành Ngân hàng.</p> <p>62.3. Xem xét báo cáo của Ngân hàng về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>62.4 Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban điều hành.</p> <p>62.5. <i>Giám sát hoạt động quản trị, điều hành của Ngân hàng trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện</i></p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 52 Luật các TCTD,</p>

		<p>quyền hạn được giao.</p> <p>64.6 Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát. Định kỳ hằng năm, xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, <u>các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.</u></p> <p>64.7 Thực hiện <u>chức năng kiểm toán nội bộ. Chiu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ được giao.</u></p> <p>64.8 Thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hằng năm của Ngân hàng, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hằng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>64.9 <u>Xem xét</u> sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 28.2 của</p>	<p><i>nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ này.</i></p> <p>62.6. <i>Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, quy định nội bộ của Ngân hàng về kế toán và báo cáo.</i></p> <p>62.7. <i>Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành của Ngân hàng, có quyền sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.</i></p> <p>62.8. <i>Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hằng năm của Ngân hàng, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hằng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</i></p> <p>62.9. <i>Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</i></p> <p>62.10. <i>Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật Các tổ chức tín dụng về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng.</i></p> <p>62.11. <i>Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng</i></p>	
--	--	--	--	--

		<p>Điều lệ này. Ban kiểm soát triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của <u>cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu trên</u>. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến <u>Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu</u>. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.</p> <p>64.10 <u>Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Ngân hàng của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Trường hợp người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và giải pháp khắc phục hậu quả, Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</u></p> <p>64.11 <u>Lập danh sách cổ đông lớn, cổ đông sáng lập và những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cổ đông sáng lập, cổ đông lớn của Ngân hàng, lưu giữ và cập nhật danh sách này.</u></p> <p>64.12 <u>Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật.</u></p>	<p><i>khi thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:</i></p> <p>(a) <i>Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p>(b) <i>Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước hoặc của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn theo quy định của Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật. Ban kiểm soát triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.</i></p> <p>62.12. <i>Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành Ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).</i></p> <p>62.13. <i>Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên, và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật danh sách này.</i></p> <p>62.14. <i>Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường</i></p>	
--	--	--	--	--

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p>64.13 Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều lệ này hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>64.14 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật.</p> <p>62.15. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều lệ này hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>62.16. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.</p> <p>62.17 <i>Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các Điều 62.10, Điều 62.12 và Điều 62.15 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Điều lệ này.</i></p> <p>62.18. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.</p>	
93.	Sửa đổi, bổ sung Điều 65 và thay đổi vị trí thành Điều 63	<p>Điều 65. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát</p> <p>Trưởng Ban kiểm soát có quyền và nhiệm vụ sau:</p> <p>65.1 Tổ chức <u>triển khai việc</u> thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p>65.2 <u>Chuẩn bị chương trình họp của Ban kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát;</u> triệu tập và Chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.</p> <p>65.3 Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản</p>	<p>Điều 63. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát</p> <p>Trưởng Ban kiểm soát có quyền và nhiệm vụ sau:</p> <p>63. 1 Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.</p> <p>63. 2 Triệu tập và Chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.</p> <p>63. 3 Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.</p> <p>63. 4 Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 53 Luật các TCTD.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p>thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.</p> <p>65.4 Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p>65.5 Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được quyền biểu quyết.</p> <p>65.6 Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>65.7 Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát theo Quy định nội bộ của Ngân hàng.</p> <p>65.8 Đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.</p> <p>65.9 Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.</p> <p>65.10 Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện <u>nhiệm vụ của mình</u> trong thời gian vắng mặt.</p> <p>65.11 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật.</p>	<p>quản trị họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p>63. 5 Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được quyền biểu quyết.</p> <p>63. 6 Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>63. 7 Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát theo Quy định nội bộ của Ngân hàng.</p> <p>63. 8 Đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.</p> <p>63. 9 Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.</p> <p>63. 10 <i>Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.</i></p> <p>63. 11 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng</p>	
94.	Sửa đổi, bổ sung Điều 66 và thay đổi vị trí thành Điều 64	<p>Điều 66. Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát</p> <p><u>Thành viên Ban kiểm soát có các quyền và</u></p>	<p>Điều 64. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>64. 1 Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của Ngân hàng và quy định nội bộ của Ban kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 54 Luật các TCTD.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p><u>nhiệm vụ sau:</u></p> <p>66.1 Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của Ngân hàng và quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của tổ chức tín dụng và của cổ đông, thành viên góp vốn, chủ sở hữu.</p> <p>66.2 Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát.</p> <p>66.3 Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.</p> <p>66.4 Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.</p> <p>66.5 Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.</p> <p>66.6 Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm về đánh giá và kết luận của mình.</p> <p>66.7 Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.</p> <p>66.8 Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật.</p>	<p><i>Trưởng ban kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.</i></p> <p>64. 2 Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát.</p> <p>64. 3 Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.</p> <p>64. 4 Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.</p> <p>64. 5 <i>Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành Ngân hàng.</i></p> <p>64. 6 Được quyền yêu cầu người quản lý, người điều hành, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.</p> <p>64. 7 Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường của Ngân hàng và chịu trách nhiệm về đánh giá và kết luận của mình.</p> <p>64. 8 Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.</p> <p>64. 9 Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật.</p>	
95.	Sửa đổi khoản 67.1, Điều	67.1 Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ	65.1 Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao, thưởng theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 41.1, Điều lệ mẫu.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
	67 và thay đổi vị trí thành Điều 65	đồng. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên.	đồng. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên.	
96.	Thay đổi vị trí các Điều 68 thành Điều 66 .			
97.	Xóa bỏ Điều 69.4 và thay đổi vị trí thành Điều 67	69.4 Bất kỳ thành viên Ban kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại Điều 49.1 của Điều lệ này sẽ được xem là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.	Không quy định	
98.	Thay đổi vị trí các Điều 70, Điều 71 thành Điều 68, Điều 69 .			
99.	Sửa đổi, bổ sung Điều 72 và thay đổi vị trí thành Điều 70.	<p>Điều 72. Tổng Giám đốc</p> <p>72.1 Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của Ngân hàng, điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Ngân hàng.</p> <p>72.2 Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị <u>thuê hoặc</u> bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</p> <p>72.3 Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 (năm) trừ trường hợp Hội đồng quản</p>	<p>Điều 70. Tổng Giám đốc</p> <p>70.1 Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của Ngân hàng, điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Ngân hàng.</p> <p>70.2 Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</p> <p>70.3 Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc <i>không quá</i> 05 (năm) trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định khác. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>70.4 Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 55, Điều 56 Luật các TCTD.

		<p>trị có quyết định khác. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>72.4 Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc điều hành mới thay thế.</p> <p>72.5 Quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc:</p> <p>(a) <u>Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;</u></p> <p>(b) <u>Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</u></p> <p>(c) <u>Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Ngân hàng; ký kết hợp đồng nhân danh Ngân hàng theo quy định của Điều lệ này và quy định nội bộ của Ngân hàng;</u></p> <p>(d) <u>Kiến nghị, đề xuất phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Ngân hàng trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền; thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả;</u></p> <p>(e) <u>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Ngân</u></p>	<p>hành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc điều hành mới thay thế.</p> <p>70.5 Quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc:</p> <p>(a) <i>Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</i></p> <p>(b) <i>Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng;</i></p> <p>(c) <i>Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả;</i></p> <p>(d) <i>Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;</i></p> <p>(e) <i>Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin quản lý;</i></p> <p>(f) <i>Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của Ngân hàng;</i></p> <p>(g) <i>Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó, kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị;</i></p> <p>(h) <i>Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền;</i></p>	
--	--	--	---	--

		<p><u>hàng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</u></p> <p>(f) <u>Quyết định lương, thưởng và phụ cấp đối với tất cả cán bộ, nhân viên và người lao động trong Ngân hàng theo thẩm quyền;</u></p> <p>(g) <u>Tuyển dụng lao động;</u></p> <p>(h) <u>Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh;</u></p> <p>(i) <u>Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua các báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;</u></p> <p>(j) <u>Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ, quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo;</u></p> <p>(k) <u>Báo cáo với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động, hiệu quả và kết quả kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;</u></p> <p>(l) <u>Quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố,...) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, sau đó phải báo cáo ngay</u></p>	<p>(i) <i>Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường;</i></p> <p>(j) <i>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh quản lý, điều hành của Ngân hàng, trừ chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</i></p> <p>(k) <i>Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh Ngân hàng theo quy định của Điều lệ này và quy định nội bộ của Ngân hàng.</i></p> <p>(l) <i>Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Ngân hàng;</i></p> <p>(m) <i>Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền;</i></p> <p>(n) <i>Quyền hạn, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</i></p> <p>70.6 <i>Trường hợp khuyết Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải bổ nhiệm Tổng giám đốc trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày khuyết Tổng giám đốc.</i></p>	
--	--	--	---	--

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p><u>Hội đồng quản trị để giải quyết tiếp;</u></p> <p>(m) <u>Kiến nghị, đề xuất việc tổ chức, quản trị và hoạt động Ngân hàng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ngân hàng trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền;</u></p> <p>(n) <u>Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ này;</u></p> <p>(o) <u>Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.</u></p>		
100	Thay đổi vị trí	Điều 73 thành Điều 71		
101	Sửa đổi, bổ sung Điều 74 và thay đổi vị trí thành Điều 72	<p>Điều 74. Quyền tiếp cận, kiểm tra sổ sách và hồ sơ Ngân hàng</p> <p>74.1 Cổ đông của Ngân hàng có quyền xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông; xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Ngân hàng, Sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>74.2 <u>Ngoài quyền tiếp cận theo quy định tại Điều 74.1 của Điều lệ này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 28.2 Điều lệ này có quyền tiếp cận hồ sơ và sổ sách Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ này.</u></p> <p>74.3 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng, danh sách cổ đông và những sổ sách, hồ sơ, tài liệu</p>	<p>Điều 72. Quyền tiếp cận, kiểm tra sổ sách và hồ sơ Ngân hàng</p> <p>72.1 Cổ đông của Ngân hàng có quyền xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông; xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Ngân hàng, Sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>72.2 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng, danh sách cổ đông và những sổ sách, hồ sơ, tài liệu khác của Ngân hàng để phục vụ cho nhiệm vụ của mình tại Ngân hàng và chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin tài liệu được cung cấp.</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật các TCTD.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		khác của Ngân hàng để phục vụ cho nhiệm vụ của mình tại Ngân hàng và chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin tài liệu được cung cấp.		
102	Thay đổi vị trí Điều 75, Điều 76, Điều 77, Điều 78, Điều 79, Điều 80, Điều 81, Điều 82 thành Điều 73, Điều 74, Điều 75, Điều 76, Điều 77, Điều 78, Điều 79, Điều 80.			
103	Sửa đổi khoản 83.1, Điều 83 và thay đổi vị trí thành Điều 81.	83.1 Tổng Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.	81.1 Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động <i>ngỉ</i> việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và <i>người điều hành Ngân hàng</i> ..	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 50.1 Điều lệ mẫu.
104	Sửa đổi và hợp nhất tên gọi Chương 15, Chương 16	CHƯƠNG 15. <u>PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</u> CHƯƠNG 16. <u>HỆ THỐNG KẾ TOÁN, NĂM TÀI CHÍNH, KIỂM TOÁN NỘI BỘ, KIỂM SOÁT NỘI BỘ, QUỸ DỰ TRỮ</u>	CHƯƠNG 15. <u>CÁC NGUYÊN TẮC TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN NỘI BỘ, KIỂM SOÁT NỘI BỘ</u>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 39 Luật các TCTD.
105	Bổ sung Điều 82.	Không quy định	Điều 82. <u>Vốn và sử dụng vốn của Ngân hàng</u> 82.1 Vốn của Ngân hàng bao gồm vốn chủ sở hữu, vốn huy động, vốn khác theo quy định của pháp luật. 82.2. Ngân hàng được sử dụng vốn để kinh doanh theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan. 82.3 Ngân hàng được mua, đầu tư tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động của mình, bảo đảm tỷ lệ giá trị còn lại của tài sản cố định không được vượt quá 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán;	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 144 Luật các TCTD./
106	Bổ sung Điều 83	Không quy định	Điều 83. <u>Doanh thu và nguyên tắc ghi nhận doanh thu</u> 83.1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh của Ngân	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 145 Luật các TCTD.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
			<p>hàng, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> (a) Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự; (b) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ; (c) Thu từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng; (d) Thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, trừ cổ phiếu; (e) Thu từ hoạt động góp vốn, chuyển nhượng phần vốn góp, cổ phần; (f) Thu từ hoạt động khác; (g) Thu nhập khác theo quy định của pháp luật. <p>83.2. Các khoản thu của Ngân hàng phải được xác định phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và quy định khác của pháp luật có liên quan, có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ và phải được hạch toán đầy đủ vào doanh thu.</p> <p>83.3. Đối với các khoản phải thu đã hạch toán vào doanh thu nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì Ngân hàng phải hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để đơn đốc thu hồi, xử lý theo quy định của pháp luật; khi thu được thì hạch toán vào doanh thu.</p> <p>83.4. Đối với doanh thu từ hoạt động cấp tín dụng, Ngân hàng có trách nhiệm đánh giá khả năng thu hồi nợ và thực hiện phân loại nợ theo quy định của pháp luật để làm căn cứ hạch toán lãi phải thu và thực hiện hạch toán lãi phải thu từ hoạt động cấp tín dụng vào doanh thu theo quy định của Chính phủ.</p>	

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
107	Bổ sung Điều 84	Không quy định	<p>Điều 84. Chi phí và nguyên tắc ghi nhận chi phí</p> <p>84.1. Chi phí của Ngân hàng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> (a) Chi phí lãi và các chi phí tương tự; (b) Chi phí hoạt động dịch vụ; (c) Chi hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng; (d) Chi hoạt động kinh doanh các loại chứng khoán được phép kinh doanh theo quy định của Luật các TCTD; (e) Chi góp vốn, chuyển nhượng phần vốn góp, cổ phần; (f) Chi hoạt động kinh doanh khác; (g) Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí; (h) Chi cho người quản lý, người điều hành, nhân viên; (i) Chi cho hoạt động quản lý và công vụ; (j) Chi về tài sản; (k) Chi trích lập dự phòng; (l) Chi bảo toàn và bảo hiểm tiền gửi; (m) Chi phí khác. <p>84.2. Chi phí của Ngân hàng là các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh Ngân hàng; tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí; có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng không được hạch toán vào chi phí các khoản chi do nguồn kinh phí khác đài thọ. Việc xác định và hạch toán chi phí được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>84.3. Việc xác định chi phí khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 146 Luật các TCTD.
108	Sửa đổi, bổ sung Điều 84 và thay đổi vị trí thành Điều 85	<p>Điều 84. Phân chia lợi nhuận sau thuế</p> <p>Sau khi trích lập các quỹ, lợi nhuận giữ lại của Ngân hàng được sử dụng để trả cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều 85. Phân chia lợi nhuận</p> <p>Phần lợi nhuận còn lại của Ngân hàng sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thì được phân phối theo quy định của Chính phủ.</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 148 Luật các TCTD.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
109	Thay đổi vị trí	Điều 85 thành Điều 86		
110	Sửa đổi, bổ sung Điều 87 và thay đổi vị trí thành Điều 87	Điều 87. Năm tài chính Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 (một) tháng 01 (một) dương lịch hàng năm và kết thúc vào ngày 31 (ba mươi mốt) tháng 12 (mười hai) cùng năm.	Điều 87. Năm tài chính Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 <i>cùng năm dương lịch.</i>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 149, Luật các TCTD.
111	Thay đổi vị trí	Điều 86 thành Điều 88.		
112	Sửa đổi, bổ sung Điều 88 và thay đổi vị trí thành Điều 89	Điều 88. Kiểm toán nội bộ 88.1 Ngân hàng phải thành lập <u>hệ thống</u> kiểm toán nội bộ <u>chuyên trách</u> thuộc Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ. 88.2 Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan <u>đối với hệ thống kiểm soát nội bộ</u> ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, <u>thủ tục, quy trình đã được thiết lập</u> trong Ngân hàng; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình quy định, góp phần đảm bảo Ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật. 88.3 Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và gửi Tổng Giám đốc của Ngân hàng. 88.4 <u>Tổ chức và hoạt động của kiểm toán nội bộ được thực hiện theo quy định pháp luật và Ngân hàng.</u>	Điều 89. Kiểm toán nội bộ 89.1. Ngân hàng phải thành lập kiểm toán nội bộ thuộc Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ <i>Ngân hàng.</i> 89.2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ <i>cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của Ngân hàng</i> ; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm tổ chức tín dụng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật. 89.3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo Ban kiểm soát và gửi Hội đồng quản trị Tổng giám đốc của Ngân hàng.	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 58 Luật các TCTD.
113	Sửa đổi, bổ sung Điều 89 và thay đổi vị trí thành Điều 90	Điều 89. Hệ thống kiểm soát nội bộ 89.1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của Ngân hàng <u>được xây dựng phù hợp với hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước</u> và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử	Điều 90. Hệ thống kiểm soát nội bộ 90.1. <i>Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của Ngân hàng và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro.</i> 90.2. Ngân hàng phải xây dựng hệ thống kiểm soát	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 57 Luật các TCTD.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p>lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra.</p> <p>89.2. Ngân hàng xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây:</p> <p>(a) Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;</p> <p>(b) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;</p> <p>(c) Tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ.</p> <p>89.3. <u>Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng phải được kiểm toán nội bộ, tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá định kỳ.</u></p>	<p>nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây:</p> <p>(a) Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;</p> <p>(b) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;</p> <p>(c) Tuân thủ pháp luật và các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ.</p> <p>90.3. <i>Ngân hàng xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và triển khai ứng dụng công nghệ trong hoạt động kiểm soát nội bộ theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.</i></p>	
114	Xóa bỏ Điều 90.	<p>Điều 90. Quyền hạn và nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ</p> <p>90.1. Kiểm toán nội bộ có các quyền hạn sau:</p> <p>(a) Được trang bị đầy đủ nguồn lực (nhân lực, tài chính và các phương tiện khác) cần thiết;</p> <p>(b) Được chủ động thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt;</p> <p>(c) Được cung cấp đầy đủ, kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho công tác kiểm toán nội bộ;</p> <p>(d) Được tiếp cận, xem xét tất cả các quy trình nghiệp vụ, tài sản khi thực hiện kiểm toán nội bộ;</p> <p>(e) Được tiếp cận, phỏng vấn tất cả cán bộ, nhân viên của Ngân hàng về các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm toán;</p> <p>(f) Được nhận tài liệu, văn bản, biên bản họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người quản lý, Người điều hành có liên quan đến công việc của kiểm toán nội bộ;</p> <p>(g) Được tham dự các cuộc họp nội bộ theo quy định của pháp luật, hoặc theo quy định tại</p>	Không quy định	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 39 Luật các TCTD.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p>Điều lệ, quy định nội bộ của Ngân hàng;</p> <p>(h) Được giám sát, đánh giá và theo dõi các hoạt động sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện của lãnh đạo các đơn vị, bộ phận đối với các vấn đề mà kiểm toán nội bộ đã ghi nhận và có khuyến nghị;</p> <p>(i) Được bảo vệ an toàn trước hành động bất hợp tác của đơn vị được kiểm toán;</p> <p>(j) Kiểm toán viên nội bộ được đào tạo thường xuyên về nghiệp vụ để có đủ trình độ, năng lực chuyên môn thực hiện nhiệm vụ được giao;</p> <p>(k) Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>90.2. Kiểm toán nội bộ có các nhiệm vụ sau:</p> <p>(a) Xây dựng quy trình nghiệp vụ kiểm toán nội bộ tại tổ chức tín dụng trình Ban kiểm soát xem xét, phê duyệt sau khi báo cáo Hội đồng quản trị;</p> <p>(b) Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hằng năm hoặc đột xuất và thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch hoặc kiểm toán đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; thực hiện các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng và hiệu quả;</p> <p>(c) Kiểm tra, rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với tất cả các đơn vị, bộ phận, hoạt động của Ngân hàng dựa trên mức độ rủi ro và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Ngân hàng. Đối với tất cả những vấn đề có thể ảnh hưởng xấu đến hoạt động của Ngân hàng, kiểm toán nội bộ cần thông báo kịp thời về bản chất và ảnh hưởng đối với hoạt động của Ngân hàng và đưa ra những khuyến nghị thiết thực nhằm</p>		

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p>ngăn ngừa, khắc phục những vấn đề này;</p> <p>(d) Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót; kiến nghị xử lý những vi phạm; đề xuất biện pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ;</p> <p>(e) Đánh giá mức độ phù hợp của các hoạt động nhằm ngăn ngừa, khắc phục những điểm yếu đã được báo cáo; các hoạt động nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ; và theo dõi cho đến khi các vấn đề này được xử lý thỏa đáng;</p> <p>(f) Lập báo cáo kiểm toán; thông báo và gửi kịp thời kết quả kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật;</p> <p>(g) Phát triển, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện phương pháp kiểm toán nội bộ và phạm vi hoạt động của kiểm toán nội bộ để có thể cập nhật, theo kịp sự phát triển của hoạt động ngân hàng;</p> <p>(h) Thực hiện quy trình đảm bảo chất lượng công tác kiểm toán nội bộ;</p> <p>(i) Thiết lập hồ sơ về trình độ năng lực và các yêu cầu cần thiết đối với kiểm toán viên nội bộ để làm cơ sở tuyển dụng, đề bạt, luân chuyển cán bộ và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; lập kế hoạch tuyển dụng và bố trí đầy đủ nhân sự để đảm bảo công việc giám sát từ xa được liên tục; tổ chức đào tạo liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho kiểm toán viên nội bộ;</p> <p>(j) Duy trì việc tham vấn, trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập, Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả; là đơn vị điều phối, phối hợp với các cơ quan bên</p>		

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p>ngoài đối với những công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ;</p> <p>(k) Tư vấn cho Người điều hành, Hội đồng quản trị của Ngân hàng và các bộ phận nghiệp vụ thực hiện các dự án xây dựng, áp dụng mới hay sửa đổi những quy trình nghiệp vụ quan trọng; cơ chế quản trị, điều hành; quy trình nhận dạng, đo lường, đánh giá rủi ro, quản lý rủi ro, phương pháp đánh giá vốn; hệ thống thông tin, hạch toán, kế toán; thực hiện các nghiệp vụ, sản phẩm mới với điều kiện không ảnh hưởng tới tính độc lập của kiểm toán nội bộ;</p> <p>(l) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Ngân hàng.</p>		
115	Xóa bỏ Điều 91	<p>Điều 91. Trách nhiệm của kiểm toán nội bộ</p> <p>91.1 Bảo mật tài liệu, thông tin có được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và theo quy định của điều lệ này.</p> <p>91.2 Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về kết quả công việc kiểm toán nội bộ, kết quả đánh giá, kiến nghị và đề xuất đã đưa ra.</p> <p>91.3 Theo dõi kết quả thực hiện các kiến nghị sau khi thực hiện việc kiểm soát và kiểm toán.</p>	Không quy định	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 39 Luật các TCTD.
116	Sửa đổi, bổ sung Điều 92 và thay đổi vị trí thành Điều 91	<p>Điều 92. Trích lập quỹ</p> <p>92.1 Hàng năm, Ngân hàng phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ <u>theo tỷ lệ trích lập do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật</u> như sau:</p> <p>(a) <u>Trích lập vào quỹ dự trữ bổ sung vốn</u></p>	<p>Điều 91. Trích lập quỹ</p> <p>91.1. Hàng năm, Ngân hàng phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ sau đây:</p> <p>(a) <i>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ hoặc quỹ dự trữ bổ sung vốn được cấp phải trích lập hằng năm theo tỷ lệ 10% (mười phần trăm) lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này không được vượt</i></p>	Điều chỉnh cho phù hợp với Khoản 2 Điều 148, Luật các TCTD.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p>điều lệ; (b) Trích lập vào quỹ dự phòng tài chính; (c) Quỹ khen thưởng; (d) Quỹ phúc lợi; (e) Các quỹ khác (nếu có).</p> <p>92.2 Ngân hàng không được dùng các quỹ quy định tại Điều 92.1 để trả cổ tức cho cổ đông.</p> <p>92.3 Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về kết quả công việc kiểm toán nội bộ, kết quả đánh giá, kiến nghị và đề xuất đã đưa ra.</p> <p>92.4 Theo dõi kết quả thực hiện các kiến nghị sau khi thực hiện việc kiểm soát và kiểm toán.</p>	<p>quá mức vốn điều lệ hoặc vốn được cấp của Ngân hàng; (b) Quỹ dự phòng tài chính; (c) Quỹ dự trữ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>91.2. Ngân hàng quản lý và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật</p>	
117	Thay đổi vị trí	Điều 92a thành Điều 92.		
118	Thay đổi	Chương 17 thành Chương 16		
119	Thay đổi vị trí	Chương 18 thành Chương 17		
120	Sửa đổi, bổ sung Điều 95	<p>Điều 95. Kiểm toán độc lập</p> <p>95.1 Trước khi kết thúc năm tài chính, Ngân hàng lựa chọn Công ty kiểm toán được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, có đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước để tiến hành các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính tiếp theo phù hợp với quy định tại Điều lệ này và quy định có liên quan của pháp luật. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, Ngân hàng phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.</p> <p>95.2 Một bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm với mỗi bản báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng.</p> <p>95.3 Ngân hàng sẽ chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán</p>	<p>Điều 95. Kiểm toán độc lập</p> <p>95.1. Trước khi kết thúc năm tài chính, Ngân hàng phải lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập đáp ứng yêu cầu theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo.</p> <p>95.2. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, Ngân hàng phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.</p> <p>95.3 Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Ngân hàng.</p> <p>95.4 Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng được tham dự</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 59 Luật các TCTD

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p>độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>95.4 Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng phải tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.</p>	<p><i>các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng.</i></p>	
121	Sửa đổi, bổ sung tên Chương 19 và thay đổi vị trí thành Chương 18	CHƯƠNG 19. KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, PHÁ SẢN, GIẢI THỂ, GIA HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG	CHƯƠNG 18. GIẢI THỂ, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, GIA HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG	Điều chỉnh cho phù hợp với các nội dung điều chỉnh tại Chương này, phù hợp với quy định tLuật Các TCTD
122	Xóa bỏ Điều 97	<p>Điều 97. Phá sản Ngân hàng</p> <p>97.1. Sau khi Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt kiểm soát đoá biát hoáat văn b 9 ch b dứt áp dụng ho b văn bo không áp dụng các biện pháp pháp há khh năng thanh toán mà Ngân hàng vẫn lâm vào tình trạng phá sản thì Ngân hàng đó phải làm đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục giải thể yêu cầu tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật.</p> <p>97.2. Thủ tục phá sản và vi á thanh lý tài sản của Ngân hàng trong trường hợp phá sản ngân hàng được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	Không quy định	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 39, Luật các TCTD, Điều lệ mẫu.
123	Sửa đổi, bổ sung Điều 98 và thay đổi vị trí thành Điều 96	<p>Điều 98. Ngân hàng giải thể trong các trường hợp sau đây:</p> <p>(a) Tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản;</p> <p>(b) Khi hết thời hạn hoạt động không xin gia</p>	<p>Điều 96. Trường hợp giải thể Ngân hàng</p> <p>96.1. Ngân hàng không đề nghị gia hạn hoặc đề nghị gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản khi hết thời</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 202 Luật các TCTD.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
		<p>hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản;</p> <p>(c)</p> <ul style="list-style-type: none"> Bị thu hồi Giấy phép. Thủ tục giải thể và việc thanh lý tài sản của Ngân hàng trong trường hợp giải thể Ngân hàng được thực hiện theo quy định của pháp luật. 	<p>hạn hoạt động.</p> <p>96.2. Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép.</p> <p>96.3. Ngân hàng tự nguyện giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.</p> <p>96.4. Ngân hàng được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ.</p>	
124	Bổ sung Điều 97	Không quy định	<p>Điều 97. Thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động</p> <p>97.1. Khi giải thể, chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 96 của Điều lệ này, Ngân hàng phải tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.</p> <p>97.2. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản của Ngân hàng, nếu phát hiện Ngân hàng không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ, Ngân hàng Nhà nước quyết định chấm dứt thanh lý tài sản và thực hiện phương án phá sản tổ chức tín dụng theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ này.</p> <p>97.3. Ngân hàng bị thanh lý tài sản có trách nhiệm thanh toán các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản.</p>	Bổ sung cho phù hợp với Điều 204 Luật các TCTD
125	Sửa đổi, bổ sung khoản 99.2, Điều 99 và thay đổi vị trí thành Điều 98	<p>Điều 99. Gia hạn hoạt động</p> <p>99.2 Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua</p>	<p>Điều 98. Gia hạn hoạt động</p> <p>98.2 Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu <i>biểu quyết</i> của <i>tất cả</i> cổ đông <i>dự họp</i> Đại hội đồng cổ đông <i>tán thành</i>.</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 60.2 Điều lệ mẫu.

	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/cần cứ pháp lý
126	Thay đổi vị trí	Chương 20 thành Chương 19		
127	Sửa đổi, bổ sung Điều 100 và thay đổi vị trí thành Điều 99	Điều 100. Con dấu 100.1 Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành. Việc quản lý sử dụng và lưu giữ con dấu thực hiện tuân theo quy định chi tiết của Tổng giám đốc trong từng thời kỳ. 100.2 Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Ngân hàng và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.	Điều 99. Con dấu 99.1 <i>Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</i> 99.2 Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.. 99.3 Hội đồng quản trị quyết định <i>loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung con dấu của Ngân hàng, chi nhánh, Phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Ngân hàng.</i>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 58 Điều lệ mẫu.
128	Thay đổi vị trí	Chương 21 thành Chương 20.		
129	Thay đổi vị trí	Điều 101 thành Điều 100		
130	Thay đổi vị trí	Chương 22 thành Chương 21		
131	Sửa đổi, bổ sung Điều 102 và thay đổi vị trí thành Điều 101	Điều 102. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 102.1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. 102.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động của Ngân hàng chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ngân hàng.	Điều 101. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 101.1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. 101.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động của Ngân hàng chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ngân hàng. 101.3 Điều lệ, nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng phải gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông qua	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 39 Luật các TCTD
132	Sửa đổi, khoản 103.2 Điều 103 và thay đổi vị trí thành Điều 102	Điều 103. Điều khoản chung 103.2 Điều lệ này gồm 22 (hai mươi hai) chương, 104 (một trăm lẻ bốn) điều, có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua và ký ban hành vào ngày 08 tháng 04 năm 2022, được sửa đổi bổ sung ngày 26 tháng 04 năm 2023, ngày 26	Điều 102. Ngày hiệu lực và quy định chuyển tiếp 102.1 Điều lệ này gồm 21 (hai mươi một) Chương, 102 (một trăm lẻ hai) Điều, có hiệu lực kể ngày 01 tháng 07 năm 2024 và thay thế Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 08 tháng 04 năm 2022	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 209, Điều 210 Luật các TCTD.

		<p>tháng 07 năm 2023 và ngày....tháng 12 năm 2023.</p>	<p>(sửa đổi bổ sung ngày 26 tháng 04 năm 2023, ngày 26 tháng 07 năm 2023 và ngày 27 tháng 12 năm 2023).</p> <p>102.2. Quy định chuyển tiếp:</p> <p>(a) Người quản lý, người điều hành và chức danh khác của Ngân hàng được bầu, bổ nhiệm trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng các quy định tại Điều 41, Điều 42, Điều 43 của Điều lệ này được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.</p> <p>(b) Hội đồng quản trị của Ngân hàng được bầu trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại Điều 51.2, Điều 51.3 Điều lệ này được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.</p> <p>(c) Đến ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành, Ban kiểm soát của Ngân hàng có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại Điều 61.2 Điều lệ này được tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 63.2 của Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 08 tháng 04 năm 2022 (sửa đổi bổ sung ngày 26 tháng 04 năm 2023, ngày 26 tháng 07 năm 2023 và ngày 27 tháng 12 năm 2023) cho đến hết nhiệm kỳ của Ban kiểm soát, thành viên ban kiểm soát, trừ trường hợp Ngân hàng bầu, bổ nhiệm, thay thế thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>(d) Các nội dung khác liên quan đến tổ chức, quản trị, điều hành của Ngân hàng, quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng thực hiện theo các quy định chuyển tiếp của Luật các tổ chức tín dụng.</p>	
--	--	--	--	--

Giải thích thuật ngữ và từ viết tắt:

1. **Luật doanh nghiệp:** Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
2. **Luật các tổ chức tín dụng/Luật các TCTD:** Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;
3. **Điều lệ mẫu:** Điều lệ mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155 về quản trị công ty đại chúng.